

Một Trăm Bài Kệ Niệm Phật

Triệt Ngộ Đại Sư
Việt dịch: Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

Hán 1

*Nhứt cú Di Đà
Ngã Phật tâm yếu
Thụ triệt Ngũ Thời
Hoành cai Bát Giáo*

Việt 1:

*Một câu A Di Đà
Tâm yếu của Phật ta.
Dọc năm thời thấu suốt
Ngang tám giáo trùm xa.*

Lược giải:

Một câu niệm Phật là tâm yếu của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Tâm yếu, cũng gọi là tông, là yếu chỉ tức sắc tức không của cảnh giới chân tâm, không thể dùng lời nói và tư tưởng để luận bàn suy nghĩ được. Năm thời là: Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và thời Pháp Hoa. Tám giáo là: Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí Mật và Bất Định Giáo. “Dọc” là chỉ cho chiều cao thuộc thời gian. “Ngang” chỉ cho chiều rộng thuộc không gian. Ý nói câu niệm Phật rất mầu nhiệm, về nghĩa lý bao trùm Năm Thời Tám Giáo, về cao rộng suốt cả thời gian, không gian.

Hán

2:

*Nhứt cú Di Đà
Ý chỉ như hà?*

***Tri âm thường thiếu
Mộc nhĩ thiên đa!***

Việt 2:

*Một câu A Di Đà
Ý chỉ diệu bao nhiêu?
Bạn tri âm thường ít
Kẻ tai gỗ riêng nhiều !*

Lược giải:

Như bài kệ trên đã dẫn, ta thấy đại khái ý chỉ của câu niệm Phật cao diệu như thế nào! Cho nên Thành Thời Đại Sư đã nói trong một Đề Từ:

*"Mà trong A Di hồng danh thâm.
Nghìn muôn khôn tìm ra tri âm!
Thiên Như lòng từ soi chân đặng.
Đưa người mau ra vòng mê lầm...
Ôi câu hồng danh màu thâm xa.
Sâu cùng chư tông làng Thiền Na.
Buông ra thâu vào đều như như.
Tương tư mơ đây trời liên hoa !"*

Diệu đàn niệm Phật cao siêu màu nhiệm như thế, trừ ra bậc tri âm, chớ kẻ tai gỗ làm sao nghe thấu? Vì thế nhiều kẻ đã lầm đánh giá Niệm Phật là pháp thấp kém chỉ để cho kẻ ngu dốt, hạng người già cả tu hành. Thật đáng cảm xót vì cảnh ít tri âm, như lời một bậc tiền bối đã than:

*Nga nga hồ chí tại cao sơn
Dương dương hồ ý tại lưu thủy
Đàn Bá Nha ít kẻ tri âm
Những nghe qua xót trộm lại đau thâm
Chung Kỳ mất, đập cầm không muốn khảy!*

Hán 3:

***Nhứt cú Di Đà
Đại ý phân minh***

***Xà sanh cung ảnh
Được xuất kim bình.***

Viết 3:

*Một câu A Di Đà
Đại ý thật phân minh
Rắn sanh từ cung ảnh
Thuốc lấy ở kim bình.*

Lược giải:

Một người tới nhà bạn thân chơi, cố giao rót trà ra chén mời uống. Lúc ấy vào khoảng đầu đêm, ánh đèn chấp chóa in bóng cung treo gần bên vào chén giống như con rắn đang lẳng quăng chao động. Trong lúc không kịp suy nghĩ, người ấy uống vội hết chén trà, rồi chợt sanh lòng nghi là mình đã nuốt con rắn nhỏ vào bụng, nhưng không dám nói. Về đến nhà anh lo sợ, rồi phát bệnh. Sau bạn đến thăm, hỏi biết duyên cớ, mời đến nhà để đĩa đèn và chén trà chỗ cũ, chỉ cây cung treo gần bên, người ấy mới dứt hết mối nghi và lành bệnh. Thuở xưa người Ấn Độ khi luyện thuốc quý, thường dùng gương dày hoặc ngọc thủy tinh tụ ánh sáng mặt trăng để lấy nước. Luyện xong lại cất thuốc vào bình bạc hoặc bình vàng, cho tăng thêm hiệu lực linh nghiệm. Đây ý nói câu niệm Phật rõ ràng là pháp Viên Đôn đi thẳng vào chân tâm, ngay lúc niệm Phật tức đã thể hiện Phật tánh, ví như thuốc quý lấy ra từ bình vàng. Kẻ không biết làm hiểu niệm Phật là pháp Quyền Giáo để dứt trừ vọng tưởng, hoặc pháp Tiệm Giáo để gieo lèn thiện căn. Như thế có khác gì anh chàng lơ lạc nghi ngờ lăm bóng cung là rắn đâu ?

Hán 4:

***Nhứt cú Di Đà
Danh dị phương tiện
Phổ nhiếp quần cơ
Bàng thông nhất tuyến.***

Viết 4:

*Một câu A Di Đà
Phương tiện cực mau lạ
Nhiếp khắp hết căn cơ
Rẽ thông vào Bát Nhã.*

Lược giải:

Ấn Quang Đại Sư nói: "Tu các môn khác phải nhiều đời mới thoát luân hồi, và theo như Khởi Tín Luận thì phải trải qua một muôn đại kiếp tu hành liên tục mới vượt lên ngôi Bất Thối Chuyển. Ví như quan chức phải từ phẩm bậc nhỏ lần lượt thăng đến ngôi Tể Tướng. Riêng môn Niệm Phật là phương tiện mau lẹ để mau thành Phật một đời được đời nghiệp vãng sanh thoát khỏi luân hồi, một kiếp đã bước lên ngôi Bất Thối Chuyển. Ví như Thái Tử khi mới sanh ra, đã tôn quý vượt hẳn quần thần". Môn Niệm Phật lại nhiếp tất cả căn cơ, dưới từ loài quỷ súc, hạng ngu tối dốt nát tội nguyên, trên đến bậc Đăng Giác Bồ Tát như Văn Thù Phổ Hiền cũng có lời nguyện cầu sanh Tịnh độ. Chữ "nhất tuyền" đây là chỉ cho môn Thiên Trục Chỉ, tức đường lối thẳng vào Bát Nhã chân tâm. Ngài Triệt Ngô dùng từ ngữ này, bởi ngài là một "đại thiên sư". Lại "nhất tuyền" cũng hàm chỉ cho đường lối đặc sắc nhiệm mầu của môn Tịnh Độ.

Hán 5:

Nhứt cú Di Đà

Khai vãng sanh môn.

Thị đa phước đức

Phi thiếu thiện căn.

Viết 5:

Một câu A Di Đà

Mở đường lối vãng sanh

Đó là nhiều phước đức

Chẳng phải ít căn lành.

Lược giải:

Từ khi Vi Đề Hy phu nhân chán cõi đời trược ác, cầu sanh về thế giới đẹp an vui, đức Thích Tôn mới nói ra môn Tịnh Độ mở đường lối vãng sanh, để hành giả được dễ dàng thuận tiến trên bước đường giải thoát. Muốn làm một bậc thượng thiện nhân cao quý ở cõi đẹp mầu như thế giới Cực Lạc, phải là người có nhiều phước đức căn lành. Theo kinh Vô Lượng Thọ: Chúng sanh nào đời này nghe nói Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc, phát lòng tín nguyện, chí thiết niệm Phật cầu vãng sanh. Những chúng sanh đó trong tiền kiếp đã từng gặp nhiều đức Phật và gieo trồng nhiều phước đức căn lành rồi.

Hán 6:

Nhứt cú Di Đà
Lâm chung Phật hiện
Tứ biện thân tuyên
Lục phương cộng tán.

Việt 6:

Một câu A Di Đà
Khi lâm chung Phật hiện
Tứ biện khó thân tuyên
Sáu phương đồng khen ngợi.

Lược giải:

Liên Trì Đại Sư nói: "Một câu A Di Đà gồm: đại thiện căn, đại phương tiện, đại phước đức, đại trí huệ, đại giải thoát, đại từ bi. Câu niệm Phật đã có nhiều công đức lớn như thế nên người niệm Phật mau diệt nhiều tội chướng, mau sanh nhiều phước huệ, khi lâm chung quyết định Phật sẽ hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc". Cho nên chư Phật sáu phương hiện ra tướng lưỡi rộng dài, tiêu biểu cho sự tuyên thuyết pháp môn tối thượng thừa, mà ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Tịnh Độ. Đã là pháp môn công đức không thể nghĩ bàn thì đức Thích Ca Mâu Ni và chư Phật dù đã dùng Tứ Biện Tài là: Pháp Vô Ngại Biện, Nghĩa Vô Ngại Biện, Từ Vô Ngại Biện, Nghĩa Vô Ngại Biện, cũng không thể tuyên dương ngợi khen cho hết được.

Hán 7:

Nhứt cú Di Đà
Thành Phật tiêu chuẩn
Dĩ niệm Phật tâm
Nhập Vô Sanh Nhẫn

Việt 7:

Một câu A Di Đà
Là thành Phật tiêu chuẩn
Dùng tâm hạnh niệm Phật
Chứng vào Vô Sanh Nhẫn.

Lược giải:

Niệm Phật chẳng riêng khi lâm chung được sanh về cõi Phật mà thôi. Trong hiện tại nêu hành giả nhiếp cả sáu căn, giữ cho tịnh niệm nối liền, và có thể ngay đời này được ngộ đạo, chứng vào Vô Sanh Pháp Nhẫn. Cho nên gọi: Niệm Phật là tiêu chuẩn thành Phật.

Hán 8:

Nhứt cú Di Đà

Chứng tam bất thối

Chỉ thử nhất sanh

Tiện bổ Phật vị

Việt 8:

Một câu A Di Đà

Chứng ba ngôi Bất Thối

Chỉ trong một đời này

Được bổ lên Phật vị

Lược giải:

Ba ngôi Bất Thối Chuyển là: Vị Bất Thối, Hạnh Bất Thối, và Niệm Bất Thối. Cứ theo Thiên Thai Giáo, chứng được đệ nhất bất thối tâm trụ, mới lên ngôi Vị Bất Thối. Chứng Thập Hồi Hướng, lên ngôi Hạnh Bất Thối. Và chứng Sơ Địa mới vào ngôi Niệm Bất Thối. Nhưng ước theo đường lối phổ thông của Đại Thừa giáo thì phá được kiến tư hoặc mới lên ngôi Vị Bất Thối. Phục đoạn trần sa hoặc, lên ngôi Hạnh Bất Thối. Và tiên phá vô minh hoặc, mới vào ngôi Niệm Bất Thối. Như thế chứng được ba ngôi bất thối thật không phải dễ! Theo các giáo môn khác, tất phải tu tập trải a tăng kỳ số kiếp mới chứng nhập được. Với pháp môn Tịnh Độ, khi được vãng sanh kể như vĩnh viễn không còn bị thối chuyển nữa. Điều này, theo kinh giáo, gọi là Xứ Bất Thối. Từ Xứ Bất Thối, địa vị tam bất thối là cầm chắc trong tay, lần lượt sẽ tiến lên Phật quả. Cho nên kinh Di Đà nói: “*Là bậc A Bệ Bạt Trí (Bất thối chuyển)*”. Chư thiện nhơn ở Cực Lạc sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, chỉ trong một kiếp sanh về nơi đó đã dư thời gian chứng lên ngôi Nhứt Sanh Bồ Xứ, được bổ vào Phật vị rồi.

Hán 9:

Nhứt cú Di Đà

Mãn thập đại nguyện

Khởi đắc Phổ Hiền

Thác giáo liễu biện!

Việt 9:

Một câu A Di Đà

Tròn đầy mười thập nguyện

Đâu phải đức Phổ Hiền

Dạy làm cho xong chuyện!

Lược giải:

Trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Bất Tư Nghị Giải Thoát Cảnh Giới, sau khi đức Phổ Hiền nói mười Đại Nguyện Vương, ngài liền tự phát thệ và khuyên Thiện Tài đồng tử cùng hải chúng Bồ Tát trong biển thế giới Hoa Tạng đều nên niệm Phật hồi hướng về Cực Lạc. Lời phát thệ như sau:

Tôi nguyện khi lúc sắp mạng chung

Dứt trừ tất cả điều chướng ngại

Diện kiến đức Phật A Di Đà

Liên được sanh về cõi An Lạc.

Tại sao thế? Vì muốn vào cảnh giới bất tư nghị giải thoát, muốn thành tựu các công đức, muốn chứng Phật quả phải thật hành mười đại nguyện vương, và muốn không bị nhiều chướng duyên làm cho thôi chuyển, muốn sớm mau hoàn mãn mười Đại Nguyện Vương ấy, tất phải cầu sanh Cực Lạc! Cho nên lời đức Phổ Hiền khuyên dạy chư Bồ Tát niệm Phật cầu về Cực Lạc không phải là điều dạy bảo cạn cợt, lạc lăm, nói suông rồi cho xong chuyện! Mà chính đó là lời khuyên dạy tối quan yếu, bao gồm ý vị rất sâu sắc, phải suy gẫm nhiều mới thấu hiểu!

Hán 10:

Nhứt cú Di Đà

Bạch ngưu giá cảnh

Kỳ tật như phong

Hành bộ bình chánh

Việt 10:

Một câu A Di Đà

Xe gác ách trâu trắng

Chạy lẹ như gió bay

Bước đi thật bằng vững.

Lược giải:

Câu niệm Phật, đối với bậc cao, thì có niệm đồng với không niệm. Và mặc dù không nghĩ rằng mình là người hay niệm, đức Phật là vị được niệm, tâm niệm hăng rống không, nhưng cũng chẳng ngại gì câu niệm Phật thường hiển lộ rành rẽ, rõ ràng. Như chư Bồ Tát, Tổ Sư vẫn đi đứng, nằm ngồi, vẫn ăn cơm mặc áo, vẫn thuyết pháp tụng kinh, mà không thấy có

các tướng ấy. Các ngài làm pháp hữu vi mà tâm vô vi, tâm tuy vô vi vi song vẫn làm tất cả pháp hữu vi. Như thế mới chẳng đọa vào lỗi "không và có", tiến lên cảnh giới Đại Thừa. Cho nên đức Lục Tổ đã bảo:

Không niệm, niệm mới chánh

Có niệm, niệm thành tà

Có, không đều chẳng tương

Ngồi được bạch ngưu xa.

Cần nhận rõ: Không và Có trên đây, chẳng phải là không niệm Phật, tụng kinh. Đây chính là niệm Phật đi vào cảnh giới chân không, chẳng tương nghĩ rằng mình có niệm hay không niệm. Với bậc kém hơn, tuy chưa thể ứng dụng được như thế, nhưng biết niệm Phật tức là đã tiến lên đường tu bằng phẳng, bước đi an ổn vững vàng, lần siêu vào cảnh giới Đại Thừa. Như đã ngồi trên xe bạch ngưu, bước đi của nó thật bằng vững, không còn lo ngại chi nữa !

Hán 11:

Nhứt cú Di Đà

Như Lai tạng tâm

Thủy ngoại vô lăng

Khí nguyên thị kim

Việt 11:

Một câu A Di Đà

Là tâm tạng Như Lai

Ngoài nước đâu có sóng

Xuyến, vàng vốn chẳng hai!

Lược giải:

Có một tu sĩ hỏi vị thượng tọa: "Niệm Phật để làm gì?". Ngài đáp: "Niệm Phật để thành Phật!" Tu sĩ ấy mỉm cười lui về, ý không công nhận. Tu sĩ đó không công nhận vì ông chưa hiểu và chưa ứng dụng được hạnh niệm Phật đi ngay vào Phật cảnh, tức vào tâm tạng của Như Lai. Theo trí phân biệt, ông chỉ chấp nhận và chỉ có thể ứng dụng câu niệm Phật để trừ vọng tưởng, lần lần chứng vào Chân Như mà thôi. Nếu theo tâm chấp tướng phân biệt, người ta thấy sóng với nước, xuyến cùng vàng khác nhau. Nhưng thật ra, các thứ đó chẳng phải một, cũng chẳng phải hai. Nếu các hành giả niệm Phật từ thí dụ này để tìm hiểu, tất sẽ xóa tan niệm phân biệt, dung hòa tâm với cảnh, thể nhập pháp môn Bất Nhị, đi ngay vào tạng tánh Phật, đại khái ý nghĩa như thế. Thuở xưa, một hành giả khi chứng ngộ vào cảnh giới này đã có bài kệ:

*Bước đường vô vị đã cùng rồi
Thấy sóng là đâu chỉ nước thôi
Ông Triệu siêu quần chi lắm đó
Mặt mày trông cũng thế mà thôi.*

Hán 12:

*Nhứt cú Di Đà
Diệu Chân Như tánh
Xuân tại hoa chi
Tượng hàm cổ cảnh.*

Việt 12:

*Một câu A Di Đà
Lộ tánh diệu Chân Như
Sắc xuân nơi hoa sáng
Muôn tượng ẩn gương xưa.*

Lược giải:

Thuở xưa, một vị Tăng tụng kinh Pháp Hoa đến câu: "*Chư pháp tùng bản lai. Thường tịch diệt tướng*" (Các pháp từ xưa nay. Tự tướng thường tịch diệt), bỗng sanh nghi không hiểu. Sau mấy năm tham thiền, ông chợt tỏ ngộ, liền viết tiếp thêm hai câu: "**Xuân đáo bách hoa khai. Hoàng oanh đề liễu thượng**"

*(Xuân đến trăm hoa nở,
Oanh vàng kêu liễu biếc!).*

Câu niệm Phật đã thuần, hành giả sẽ thấy tánh chân như màu nhiệm lộ lộ hiện bày, không thể dùng lời nói luận bàn, dùng tâm tư nghĩ suy phân biệt được. Cảnh trạng ấy như sắc xuân hiện nơi trăm hoa đua nở sáng tươi, như oanh vàng kêu hót líu lo trên cành liễu xanh biếc, chỉ dùng tâm thiên nhiên mới thể hợp được cảnh thiên nhiên. Nếu nghĩ suy phân biệt, tức là phiền não vọng động rồi, đâu còn chi là sáng suốt, trong đó in cảnh non nước trời mây, gương cùng cảnh tượng dung nhập nhau không nghĩ là đây là kia, là một là khác. Người niệm Phật khi ngộ vào tánh diệu Chân Như cũng như thế. Thời cận đại ở Trung Hoa, một đêm Hư Vân thượng nhân đang ngồi tịnh ngoài trời dưới ánh trăng sáng, vị Thiền sư đồng tham bước đến ướm hỏi thử:

*Mắt cá vẫn nhiều, châu khó nhận
Móng mây dễ lẫn ráng tươi hồng!
Thượng nhân liền đáp:
Gương hàm muôn tượng không kim cổ*

*Chẳng thuộc âm dương sáng đại đồng.
Thiền sư nghe xong, gật đầu mỉm cười rồi bỏ đi.*

Hán 13:

*Nhứt cú Di Đà
Thanh tịnh Thật Tướng
Tuyệt nghị, tuyệt tư
Nan danh, nan trạng.*

Việt 13:

*Một câu A Di Đà
Cảnh Thật Tướng sạch trong
Tuyệt bàn, tuyệt suy nghĩ
Khó nói, khó hình dung.*

Lược giải:

Lập lại ý trên, hành giả niệm Phật khi đi sâu vào tam muội, thể Thật Tướng của chân tâm lộ lộ hiện bày. Cảnh giới này chỉ đem tâm thanh tịnh khế hợp, không thể dùng lời nói diễn tả, dùng tâm niệm phân biệt để nghĩ ngợi phan duyên. Bởi thế nên khi Thủy Lão Hòa Thượng đến tham khấu với ý niệm cầu hỏi về chân tâm, vừa mới cúi lạy đã bị đức Mã Tổ đập cho té lăn tròn. Thế mà Hòa Thượng tỏ ngộ, vỗ tay cười ha hả. Sự tỏ ngộ ấy chỉ đương nhân tự hiểu, như người uống nước lạnh nóng riêng mình biết lấy mà thôi. Cũng với ý chỉ này, thuở xưa một vị tôn đức đem bài kệ như sau ướm hỏi các môn nhân:

*Có pháp không sau trước
Vô hình vốn lặng trang
Hay làm chủ muôn vật
Chẳng theo bốn mùa tàn.*

Một đệ tử nghe xong, vội ứng tiếng thưa: "Đó là chân tâm!" Liền bị tôn đức rầy quở bác phá.

Hán 14:

*Nhứt cú Di Đà
Viên dung pháp giới
Thục thể toàn chân
Giao la vô ngại.*

Việt 14:

Một câu A Di Đà

*Dụng thông tròn pháp giới
Soi lạng thể toàn chân
Xen giăng khắp vô ngại.*

Lược giải:

Như trên đã nói, khi hành giả chứng Niệm Phật tam muội, căn trần dứt bật tự tánh Di Đà dung thông tròn sáng khắp pháp giới. Cảnh tượng ấy lạng lẽ mà chiếu soi, chiếu soi mà lạng lẽ, toàn thể đâu đâu cũng là chân thật. Trong chân thể ấy, hằng sa vô biên thể giới xen giăng nhau, như vô số hạt châu nơi các mắt lưới của trời Đế Thích. Chân cảnh này rất đổi sâu màu, trong tứ pháp giới, thuộc về Sự Sự Vô Ngại Pháp Giới, trong Thập huyền môn, thuộc về Nhân Đà La Vồng Cảnh Giới Môn.

Hán 15:

*Nhứt cú Di Đà
Đại viên trí cảnh
Thân độ ảnh hàm
Trùng trùng yêm ánh.*

Việt 15:

*Một câu A Di Đà
Gương Đại Viên Trí Cảnh
Thân độ bóng hàm nhau
Lớp lớp màu lấp lánh.*

Lược giải:

Đây là nói tiếp về công hạnh niệm Phật của hành giả khi chứng cùng cực chân cảnh tự tánh Di Đà. Chân cảnh này như thể gương tròn sáng không ngăn mé, bao gồm muôn tượng sum la, gọi là Đại Viên Cảnh Trí. Trong thể Đại Viên ấy, "Thân" thuộc về phần Chân Như Tịch Chiếu Môn. "Độ" thuộc về phần Thế Giới Sanh Diệt Môn, đều hàm chứa hình bóng lẫn nhau. Sự hàm ảnh đó như mỗi hạt châu nơi mắt lưới của trời Đế Thích, đều ngậm chứa hình bóng của vô số hạt châu khác. Cảnh hàm ảnh giữa Không với Không, Sắc cùng Sắc, Sắc và Không xen lẫn ngậm bóng nhau ấy, thật là lớp lớp tầng tầng, lấp lánh vô ngại nhiệm màu khó bề diễn tả.

Hán 16:

*Nhứt cú Di Đà
Không Như Lai tạng
Vạn pháp vị hình*

Nhất chân tuyết tướng.

Việt 16:

*Một câu A Di Đà
Là Không Như Lai Tạng
Vạn pháp dứt hình dung
Nhất chân tuyết sắc tướng.*

Lược giải:

Tiếp theo ý nghĩa trên, cảnh giới tuy nhiên sum la như thế, song hành giả phải một tâm lặng lẽ thể nhập vào Không Như Lai Tạng. Tâm cảnh này dứt cả muôn pháp, tuyết cả sắc tướng, chỉ là một thể nhất chân không còn phân biệt.

Hán 17:

***Nhứt cú Di Đà
Viên mãn Bồ Đề
Thiên cảnh vô thượng
Vân biết dữ tề.***

Việt 17:

*Một câu A Di Đà
Tròn đủ Bồ Đề đạo
Ráng mây đều ở thấp
Lại không có trời cao.*

Lược giải:

Khi hành giả đã thể nhập Không Như Lai Tạng thì đạo Bồ đề tròn đủ, con đường giác ngộ đến mức cao tuyệt rồi. Cảnh giới ấy như trạng thái của người: "*Một mình nằm nghỉ trên đỉnh non cao*". Khi xưa ông Khấu Chuẩn đời nhà Tống, thuở bé theo cha lên núi Thái Sơn, đã đặc ý đọc lên bốn câu thi cũng mừng tượng như hai câu sau của bài kệ trên:

*Bất dữ quần phong ngữ
Cảnh vô sơn dữ tề
Cử đầu hồng nhật cận
Hồi thủ bạch vân đề.*

Tạm dịch:

*Chẳng cùng muôn đánh đồng bạn
Lại không một núi dám qua
Ngước mắt vàng hồng kề cận*

Cúi đầu mây bạc thấp xa!

Nhưng đó chỉ là khẩu khí của một vị Tể Tướng, vì trên còn có vàng hồng, còn có Thiên Tử. Chưa bằng vua Hồng Võ đời nhà Minh lúc du ngoạn núi này, cũng tức cảnh hai câu:

Nhứt thượng, nhứt thượng, cánh nhứt thượng

Vô hạn yên vân nhãn để thâu!

Tạm dịch:

Lên cao càng lúc càng cao tít

Vô hạn trời mây dưới mắt nhìn.

Đây mới thật là khẩu khí của một bậc Thiên Tử, đứng trên muôn dân. Có thể mượn hai câu sau này để tạm hình dung cảnh tượng giác ngộ tròn đầy cao tuyệt của một vị Pháp Vương đứng trên vạn pháp.

Hán 18:

Nhứt cú Di Đà

Đại Bát Niết Bàn

Nhất luân minh nguyệt

Vạn lý không hàn!

Việt 18:

Một câu A Di Đà

Là cảnh Đại Tịch Diệt

Muôn niệm trống thanh lương

Chỉ một vàng minh nguyệt!

Lược giải:

Khi đã vào thể nhiệm mầu cao tuyệt của Không Như Lai Tạng, hành giả niệm Phật ở cảnh giới mà nhà Thiền gọi là "*Chẳng cùng muôn pháp làm bạn*" (*Bất dữ vạn pháp vi lữ*). Cảnh giới này như vàng trắng tròn sáng, chiếu soi muôn dặm, vắng lặng, thanh lương, là cảnh Đại Tịch Diệt hay Đại Bát Niết Bàn vậy. Đây cũng gọi là cảnh "song vong", người chẵn và trâu đều mất, phiền não cùng pháp trừ phiền não không còn. Như lời xưa đã diễn tả:

Soi lại người, trâu đã mất tung

Dặm ngàn vắng lạnh nguyệt linh lung!

Ý hay đoan bích như ai hỏi

Cỏ biếc hoa tươi tự thắm hồng!

Hán 19:

Nhứt cú Di Đà
Khai Bát Nhã môn
Thập hư vạn pháp
Nhứt khẩu bình thôn.

Việt 19:

Một câu A Di Đà
Mở toang cửa Bát Nhã
Muôn pháp cõi thập hư
Một miếng nuốt tất cả.

Lược giải:

Bát Nhã là trí huệ. “Thập hư” có nghĩa: cõi hư không ở mười phương. Một câu Phật hiệu nếu niệm cùng cực, tất mở toang được trí huệ và bao hàm muôn pháp ở mười phương hư không. Muốn một tiếng nuốt trọn muôn pháp cõi thập hư, bên trong hành giả phải tiêu trừ bốn đại, năm uẩn thuộc Ngũ Cháp, bên ngoài xả bỏ sáu trần cùng thời gian, không gian thuộc Pháp Cháp. Khi chuyên giữ một câu Phật hiệu, xả trừ quan niệm chấp thân tâm và thế giới như thế, đến lúc sức cực công thuần, tâm của đương nhân bỗng mở rộng rang, bao trùm muôn pháp khắp mười phương như bọt nước hòa tan đồng sức hàm chứa cùng biển rộng. Đó gọi là “*một miếng nuốt tất cả*”. Thuở xưa cư sĩ Bàng Uẩn đến tham khẩu đức Mã Tổ hỏi: “*Thế nào là ý của Tổ Sư Đạt Ma từ Tây Phương đến?*”. Mã Tổ đáp: “*Đợi khi nào ông uống một hớp hết nước sông Tây Giang, ta sẽ nói cho biết!*”. Cư sĩ nghe xong bỗng đại ngộ. Hành giả niệm Phật nên theo dõi bước đại ngộ này, đừng quan thiệp vào lý giải.

Hán 20:

Nhứt cú Di Đà
Hoa ốc môn khai
Tùng giả lý nhập
Khoái tùy ngã lai.

Việt 20:

Một câu A Di Đà
Mở cửa nhà đẹp cao
Gọi các hàng tùng giả
Mau theo ta đi vào.

Lược giải:

“Hoa ốc” đây chỉ cho cảnh trang nghiêm của thế giới Hoa Tạng. Khi hành

giả chúng được Niệm Phật tam muội rồi, tâm cảnh rỗng rang, lần lần đi sâu vào biển thế giới Hoa Tạng gồm vô biên quốc độ màu đẹp, trang nghiêm. Tự mình giác ngộ chúng được đức trí, lại dùng vô lượng phương tiện khuyên dẫn kẻ hữu duyên đồng bước theo vào nơi hoa ố để thật hiện đức Bi... Đây là bản nguyện cao cả của người học đạo.

Hán 21:

*Nhứt cú Di Đà
Nhập vương tam muội
Tự địa quân kinh
Như thiên phổ cái.*

Việt 21:

*Một câu A Di Đà
Vào tam muội Bảo Vương
Như đất đều nâng đỡ
Tợ trời che khắp miền.*

Lược giải:

Niệm Phật tam muội cũng gọi là Bảo Vương tam muội. Khi chúng được tam muội này, diệt vô lượng tội chướng, tăng vô biên phước huệ, độ vô số chúng sanh, đức hóa lan rộng khắp mọi nơi như trời che đất chở. Từ nơi Niệm Phật Bảo Vương tam muội này, Bồ Tát rưới vô lượng mưa pháp độ khắp chúng sanh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Vân Bồ Tát đã bảo Thiện Tài đồng tử:

"Thiện nam tử! Chư đại Bồ Tát có vô biên hành môn trí huệ thanh tịnh. Đó là: môn Trí Quang Phổ Chiếu Niệm Phật, thường thấy các thứ cung điện nghiêm sạch nơi tất cả quốc độ của chư Phật. Môn Linh Nhứt Thiết Chúng Sanh Niệm Phật, tùy nơi tâm ưa thích của các chúng sanh, đều khiến cho được thấy Phật và được thanh tịnh. Môn Linh An Trụ Lực Niệm Phật khiến cho được vào mười lực của Như Lai. Môn Linh An Trụ Pháp Niệm Phật khiến cho thấy vô lượng chư Phật được nghe pháp màu. Môn Chiếu Diệu Chư Phương Niệm Phật, thấy trong tất cả thế giới, các Phật hải đều đồng nhau không sai khác. Môn Nhập Bất Khả Kiến Xứ Niệm Phật, thấy tất cả cảnh vi tế trong các việc thần thông tự tại của chư Phật. Môn Trụ Ư

Chư Kiếp Niệm Phật, trong tất cả kiếp thường thấy các việc làm của Như Lai không tạm mất. Môn Trụ Nhứt Thiết Thời Niệm Phật, trong tất cả thời thường thấy Như Lai đồng ở gần bên không xa lìa. Môn Trụ Nhứt Thiết Sát Niệm Phật, trong các quốc độ đều thấy thân Phật vượt hơn tất cả không chỉ sánh bằng. Môn Trụ Nhứt Thiết Thế Niệm Phật, tùy nơi tâm mình ưa thích, thấy khắp chư Như Lai trong ba đời. Môn Trụ Nhứt Thiết Cảnh Niệm Phật, khắp trong tất cả cảnh giới, thấy chư Như lai lần lượt hiện thân. Môn Trụ Tịch Diệt Niệm Phật, trong một niệm thấy chư Phật trong tất cả cõi thị hiện vào Niết Bàn. Môn Viên Ly Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả Phật từ chỗ mình ở đi ra. Môn Trụ Quảng Đại Niệm Phật, tâm thường quán sát mỗi mỗi thân Phật đầy khắp tất cả các pháp giới. Môn Trụ Vi Tế Niệm Phật, khoảng một đầu lông có bất khả thuyết Như Lai xuất hiện, đều đến tận nơi mà thừa sự. Môn Trụ Trang nghiêm Niệm Phật, trong một niệm thấy tất cả cõi đều có chư Phật thành Đẳng Chánh Giác hiện sức thần biến. Môn Trụ Năng Sự Niệm Phật, thấy tất cả Phật hiện ra nơi đời phóng ánh sáng trí huệ, chuyển bánh xe pháp. Môn Trụ Tự Tại Tâm Niệm Phật, tùy tâm mình ưa thích, tất cả chư Phật đều biết và hiện ảnh tượng. Môn Trụ Tự Nghiệp Niệm Phật, biết tùy theo nghiệp lành chứa nhóm của chúng sanh, hiện ra ảnh tượng khiến cho giác ngộ. Môn Trụ Thần Biến Niệm Phật, thấy Phật ngồi trên hoa sen tươi nở rộng lớn đầy khắp pháp giới. Môn Trụ Hư Không Niệm Phật, quán sát Như Lai có nhiều thân như mây, trang nghiêm pháp giới và hư không giới...".

Môn Niệm Phật xuất sanh nhiều tam muội và lợi ích khắp chúng sanh như thế, nên gọi là Vương tam muội, và như trời che đất chở.

Hán 22:

***Nhứt cú Di Đà
Đắc Đại Tổng Trì
Chuyển nhứt thiết vật
Sử thập nhị thì.***

Việt 22:

***Một câu A Di Đà
Khiến được Đại Tổng Trì
Chuyển hết tất cả vật
Sử dụng mười hai thì.***

Lược giải:

Đại Tổng Trì là sự thông suốt nắm giữ tất cả pháp với tầm mức lớn lao rộng rãi. "Muốn được tất cả, phải bỏ tất cả". Ví như tấm gương sáng lớn mà đem vật gì che áng ở trước, dù là một bình hoa đẹp, tất chỗ đó mất sự chiếu soi tự tại. Chơn tâm của chúng ta là tấm gương Đại Viên Cảnh Trí, nếu chấp giữ một pháp nào, dù đó là Phật lý cao siêu mầu nhiệm, tất cũng sẽ bị kém mất sức chiếu soi tự tại, sự thông suốt tất cả pháp. Như thế làm sao được Đại Tổng Trì? Kinh nói: *"Thấy biết mà giữ sự thấy biết là gốc vô minh. Thấy biết không giữ sự thấy biết, đó mới chính Niết bàn"*. (Tri kiến lập tri, tức vô minh bản. Tri kiến vô kiến, tức Niết Bàn). Cho nên chuyên nhứt câu niệm Phật, xả bỏ tất cả, hành giả quyết sẽ được Đại Tổng Trì, Đại Tam Muội.

Kinh Lăng Nghiêm nói: *"Nếu chuyển được vật, tức đồng với Như Lai"*. (Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai). Chúng sanh tâm thường hướng ngoại, không biết các pháp là huyền, cho nên bị cảnh lục trần xoay chuyển, như con trâu lâm cảnh xỏ giày dắt đi, hằng chịu sự phiền não buộc ràng không được tự tại. Nếu quán xét các pháp là huyền, giữ một câu Phật hiệu xoay chiếu vào trong thì tâm lần lần thanh tịnh tự tại, sẽ làm chủ được các pháp, không còn bị các pháp sai sử làm chủ nữa. Đó gọi là "chuyển vật" là đồng với Như lai. Trái lại, tức là bị vật chuyển, đồng với chúng sanh vậy.

Ấn Quang pháp sư bảo: *"Một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn!"* (Nhứt tâm vô trụ, vạn cảnh câu nhàn). Khi tâm trụ nơi các pháp thì thấy thời gian có lâu mau, bị cảnh giới làm cho loạn động, sanh niệm ưa, chán, ghét, thương, khổ, vui, cùng vô lượng phiền não. Như trên, khi hành giả giữ câu niệm Phật thanh tịnh, không để cho vật chuyển, thì trong mười hai thời của ngày đêm, hằng được nhàn nhã, tự tại, tùy ý sử dụng mọi sự, việc nào đáng làm trước hoặc làm sau đều theo tuần tự, chẳng khác vị Đông y sĩ tùy nghi sử dụng các học thuốc của mình.

Tóm lại, nếu khéo biết tu hành thì cách tự tại sử dụng trong mười hai thời, sự làm chủ xoay chuyển các pháp, cho đến chứng đắc cảnh giới Đại Tổng Trì, then chốt đều do ở nơi câu niệm Phật.

Hán 23:

*Nhứt cú Di Đà
Tánh bản tự không
Tinh giai cửng Bắc
Thủy tận triều Đông.*

Việt 23:

*Một câu A Di Đà
Tánh thể vốn tự không
Các sao châu Bắc Đẩu
Muôn nước chảy về Đông.*

Lược giải:

Một tín nữ đến thuật lại với bút giả: "Có vị sư-cô bảo con bỏ hết đưng nên niệm Phật nữa, hãy để lòng yên lặng cho tâm không, cảnh không, mới mau ngộ đạo!". Bút giả nói: "Các pháp đều như huyễn, câu niệm Phật cũng như huyễn, tự thể của nó đã là không rồi, cần gì phải bỏ? Nếu muốn chứng được tâm không, cảnh không, mà còn ngại câu niệm Phật, còn bác bỏ sự tướng, thì đó chính là Thiên Không hay Ngoan Không (cái không thiên lệch, trống rỗng, cứng chắc) của ngoại đạo, chớ chẳng phải ý nghĩa Chân Không của Phật pháp. Ý nghĩa chân không chân chánh của đạo Phật ở ngay nơi tất cả cái có thuộc mọi sự tướng, mà không chấp thấy là có (Chân không bất không, diệu hữu phi hữu). Chẳng phải riêng sư cô ấy lạc lầm, trong hiện tại có rất nhiều vị tu học Phật pháp đã sa vào hầm hố đó. Thật là điều không may và đáng thương cảm!" Nay nhân tiện xin tạm mượn sự việc trên để giải thích về ý nghĩa "tự không" của câu niệm Phật.

Theo quan niệm địa dư xưa, người Trung Hoa cho rằng vùng đất của loài người ở là một châu lớn, chỗ họ cư trú thuộc Trung Quốc. Phía Đông của châu ấy là biển cả, muôn dòng nước ở lục địa đều chảy ra đó. Người Việt Nam hấp thụ văn hóa Trung Hoa, cũng đồng với quan điểm ấy. Bởi thế cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm mới có câu: "*Hồng nhật Đông thăng tri đại hải. Bạch vân Tây vọng thị thần châu*". Và theo thiên văn học xưa, người Trung Hoa bảo rằng các vì sao đều châu hướng về ngôi Bắc Đẩu. Để dẫn giải cho Phật pháp, Triệt Ngộ đại sư cũng phương tiện mượn quan niệm thế gian ấy mà làm thí dụ. Bởi tất cả pháp đều từ nơi biển Chân Không lưu xuất và đều tan về Chân Không. Bên tông Tịnh Độ gọi thể Chân Không đó là Tự Tánh Di Đà. Bài kệ trên đại ý: Câu niệm Phật tánh vốn tu tiến chứng thể tánh ấy một cách viên mãn, sẽ thức ngộ muôn pháp từ nơi đó mà lưu xuất, lại cũng qui nhập về nơi đó. Như sao Bắc Đẩu làm chủ muôn sao, muôn sao châu về Bắc Đẩu, biển Đông dâng nước vào các sông ngòi, nước sông ngòi đều đổ về biển Đông vậy.

Hán 24:

*Nhứt cú Di Đà
Pháp giới duyên khởi
Tịnh nghiệp chánh nhân
Bồ Đề chủng tử.*

Việt 24:

*Một câu A Di Đà
Là duyên khởi pháp giới
Chánh nhân của Tịnh nghiệp
Và chủng tử Bồ Đề.*

Lược giải:

Phật Pháp chia thành hai hệ: Không tông và Hữu tông. Không tông đề ra thuyết Chân Như Duyên Khởi; Hữu tông đề ra thuyết A-lại-da Duyên Khởi. Dung nhập vào Trung Đạo, tức Nhứt Chân Pháp Giới thì Không và Hữu chẳng khác, Chân Như tức A-lại-da. Đây ý nói câu niệm Phật là huyền hữu, cũng lại là Chân Không, duyên khởi điểm của nó từ nơi pháp giới. Vậy câu niệm Phật là Pháp Giới Duyên Khởi, gồm Chân Như cùng A Lại Da duyên khởi, dung nhiếp cả Hữu lẫn Không. Bởi thế nên Niệm Phật là chánh nhân của Tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp đây gồm bốn Tịnh Độ mà tiêu điểm cuối cùng là cõi Thường Tịch Quang. Và Niệm Phật cũng là hạt giống Bồ Đề đưa đến sự Toàn Giác, gồm giác ngộ mình, giác ngộ chúng sanh, hạnh giác ngộ đầy đủ.

Hán 25:

*Nhứt cú Di Đà
Như cảnh chiếu cảnh.
Uyển chuyển hỗ hàm.
Trùng điệp giao ánh.*

Việt 25:

*Một câu A Di Đà
Như gương chiếu các gương.
Uyển chuyển ngậm bóng nhau
Điệp trùng giao chói sáng.*

Lược giải:

Đời Đường, Hiền Thủ đại sư khi giảng kinh Hoa Nghiêm đến nghĩa "vô tận pháp giới trùng trùng đế vô窮", ngài phương tiện dùng mười mặt gương tròn lớn, đề tám hướng và trên, dưới mỗi chỗ một tấm, cách nhau độ hơn trượng và đều cùng đối diện. Chính giữa lại an bài cốt Phật, rồi thắp một ngọn đèn sáng để soi. Lúc ấy học chúng đều thấy trong mỗi mặt

gương nổi hiện lớp lớp tượng Phật và ánh sáng. Nhân đó tất cả đều hiểu ý nghĩa: Biển quốc độ giao chiếu xen lẫn nhau lớp lớp điệp trùng, không cùng tận, không ngần mé. Đây là cảnh tượng trang nghiêm của Hoa Tạng thế giới hải. Bài kệ trên ý nói: Câu niệm Phật sẽ đưa hành giả vào cảnh đại trang nghiêm không cùng tận đó. Cho nên niệm Phật chẳng phải là pháp thấp kém thông thường. Đã có bài kệ khen ngợi.

*Niệm Phật vào tướng thật
Chúng biết Phật với Phật.
Cảnh vô tận trang nghiêm
Môn Đại Ba La Mật!*

Hán 26:

***Nhứt cú Di Đà
Tự không hợp không.
Liễu vô ngần phùng
Khước hữu Tây Đông.***

Việt 26:

*Một câu A Di Đà
Như không hợp hư không.
Tuyệt không chút lần dấu
Nhưng vẫn có Tây Đông.*

Lược giải:

Dem một ly nước đổ vào chậu nước thì nước cùng nước dung hòa nhau, không làm sao tìm thấy lần dấu. Khi trút nước ra, khoảng hư không trong ly hợp với hư không bên ngoài, cũng tuyệt không lần dấu. Hành giả niệm Phật, nếu trong quên thân tâm, ngoài quên cảnh giới, chẳng thấy mình là người hay niệm, Phật là vị được niệm, thì tâm rộng rang, hồn nhiên, dung hợp với thể tánh Chân Không. Tâm cảnh ấy chẳng phải là không có chi, vì như thế là lạc vào ngoan không của ngoại đạo. Trái lại, hiện tượng Chân Không ấy sáng suốt vô tận bao hàm muôn pháp, vẫn có đầy đủ màu sắc của cỏ cây, sông, núi, trời mây, vẫn có các phương hướng, cho đến cõi Ta Bà thuộc phương Đông, cõi Cực Lạc ở phương Tây. Đó mới đích xác tánh không chân chánh, cũng gọi là Như Lai nhứt thật cảnh giới.

Thuở xưa có vị cư sĩ đến hỏi đạo một cao tăng ở chốn sơn lâm. Bậc thượng nhân này không đáp, chỉ trỏ mây trên trời cùng cái bình đựng nước của mình. Tuy nhiên tuệ căn đã sẵn, vị cư sĩ liền ngộ vào thể đạo, tức thật tánh chân không, liền làm bài kệ, trình lên rằng:

*Luyện được thân hình tợ hạc hình
Ngàn thông tươi tốt mấy pho kinh.
Ta nay hỏi đạo không chi khác
Mây ở trời xanh, nước ở bình!*

Niệm Phật đến chỗ vô niệm, sẽ dung hợp với tánh không bao la, tìm không thấy mỗi mang dấu vết, mà vẫn đầy đủ tất cả, không thêm bớt là như thế.

Hán 27:

***Nhứt cú Di Đà
Nhứt Đại Tạng Kinh
Tung hoành giao thái
Tuyệt đãi u linh.***

Việt 27:

*Một câu A Di Đà
Là một Đại Tạng Kinh
Dọc, ngang giao chói sáng
Tuyệt đối, thể u linh.*

Lược giải:

Có một độ, bút giả vừa tụng xong bộ kinh Hoa Nghiêm, tâm niệm bỗng vắng lặng quên hết điều kiện giải, hồn nhiên viết ra bài kệ sau:

*Vi trần phâu xuất đại thiên kinh
Nghĩ giải thiên kinh không dịch hình!
Vô lượng nghĩa tâm toàn thể lộ
Lưu oanh hựu chuyển tịch thường thanh.*

Bài kệ này có ý nghĩa: Chẻ hạt bụi cực vi để lấy ra tạng kinh rộng nhiều bằng cõi Đại Thiên thể giới. Tạng kinh ấy đã từ điểm bụi cực vi nơi Không Tâm diễn ra, thì tìm hiểu nghĩa lý làm chi cho một tâm hình? Tốt hơn là nên trở về chân tâm, bởi tâm này đã sẵn đầy đủ vô lượng vô biên diệu nghĩa, lúc nào cũng lồ lộ hiện bày. Kìa chim oanh bay chuyển trên cành cây kêu hót, đang nói lên ý nghĩa chân thường vắng lặng ấy!

Câu niệm Phật cũng thế, nó bao hàm vô lượng vô biên nghĩa lý nghiệm màu, đâu phải chỉ một Đại Tạng Kinh? Gọi một Đại Tạng Kinh chỉ là lời nói ước lược mà thôi. Khi niệm Phật dứt hết vọng tưởng, đi thẳng vào chân tâm hay vô lượng nghĩa tâm thì ánh sáng tự tâm phát hiện dọc ngang chói suốt bốn bề. Tâm cảnh ấy dứt hết sự đối đãi, u linh nhiệm màu không thể diễn tả!

Hán 28:

*Nhứt cú Di Đà
Nhứt đại tạng Luật.
Miết nhĩ tịnh tâm
Giới ba la mật.*

Việt 28:

*Một câu A Di Đà
Là một Đại Tạng luật.
Chớp mắt vào tịnh tâm
Đủ Giới Ba La Mật.*

Lược giải:

Câu niệm Phật đã bao hàm đầy đủ nghĩa lý của một Đại Tạng Kinh thì đối với một Đại Tạng Luật nó cũng như thế. Vì luật chẳng ngoài nhiếp giữ thân, khẩu, ý cho trong sạch. Và thân, khẩu, ý lại không ngoài tâm, nếu tâm thanh tịnh thì ba nghiệp cũng đều trang nghiêm thanh tịnh. Luật nói: *"Phật chế tất cả giới, mục đích để trị tất cả vọng tâm. Nếu không có tất cả vọng tâm thì cần chi dùng tất cả giới?"* (Phật chế nhứt thiết giới, vì trị nhứt thiết tâm. Nhược vô nhứt thiết tâm, hà dụng nhứt thiết giới?) Cho nên khi niệm Phật, thoáng chốc dứt hết vọng tưởng đi vào tịnh tâm, tức đã đầy đủ Giới Ba La Mật rồi. Ba-la-mật là "bờ bên kia", là nơi giải thoát rốt ráo. Niệm Phật thanh tịnh, tức đã đầy đủ sự giữ giới đến bờ cứu cánh giải thoát vậy.

Hán 29:

*Nhứt cú Di Đà
Nhứt Đại Tạng Luận.
Đương niệm tâm khai
Huệ quang như phún.*

Việt 29:

*Một câu A Di Đà
Là một Đại Tạng Luận.
Đương niệm tâm mở thông
Ánh huệ tuôn vô tận.*

Lược giải:

Như trên, câu niệm Phật đã bao hàm Kinh, Luật, tất nhiên đối với Luận cũng như thế. Kinh Viên Giác nói: *"Trí tuệ sáng sạch vô ngại đều từ nơi Thiên Định mà sanh"*. Niệm Phật thanh tịnh chính là thiên định, từ Định phát sanh trí huệ. Đã có trí huệ thì nguồn biện luận sẽ vô cùng. Tứ vô ngại biện cũng từ nơi niệm Phật thanh tịnh tâm cảnh mở sáng mà tuôn trào như suối chảy.

Hán 30:

Nhứt cú Di Đà

Nhứt tạng bí mật.

Phát bản thần thông

Cụ đại uy lực.

Việt 30:

Một câu A Di Đà

Là một tạng bí mật.

Phát nguồn cội thần thông

Đầy đủ uy lực lớn.

Lược giải:

Câu niệm Phật đã gồm ba tạng của Hiền giáo lại cũng đủ thần thông uy lực của bí tạng Mật giáo. "Bản thân thông" là thần thông sẵn có, phát sanh từ nguồn gốc chân tâm, không phải do tập luyện mà được. Niệm Phật công thuần đến mức thanh tịnh, cũng như người có sẵn tiền muốn mua món gì cũng được. Dùng công đức niệm Phật để cầu an, cầu siêu, trừ tai nạn, trị đau bệnh, hàng tà ma, sám tội chướng, cầu phước huệ duyên lành, nguyện sanh lên cung trời hoặc về cõi Phật, cho đến cầu Đại Niết Bàn cũng đều thành tựu. Tất cả uy lực thần thông cũng từ câu niệm Phật mà phát sanh. Như thuở xưa, Thiện Đạo đại sư khi niệm Phật, mỗi câu đều có một luồng ánh sáng phóng ra. Một Đại sư về Tịnh tông bên Nhật Bản, mỗi câu niệm hồng danh, trong miệng bay ra một vị Phật. Liên Trì đại sư lúc dân chúng nhờ đảo võ, ngài chỉ ra ngoài đồng gỗ mõ niệm Phật, đi tới đâu mưa rơi đến đó. Niệm Phật tùy ý phát ra thần thông uy lực là như thế.

Hán 31:

***Nhứt cú Di Đà
Hồn toàn Đại Tạng
Giới, Định, Huệ quang
Lưu xuất vô lượng!***

Viết 31:

*Một câu A Di Đà
Gồm toàn cả Đại Tạng.
Giới, Định, Huệ ánh màu
Tuôn ra không hạn lượng!*

Lược giải:

Bài kệ trên nói tổng quát về sự bao hàm các Đại Tạng của câu niệm Phật. Các Đại Tạng đây, gồm Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng, Tập tập tạng và Bí Mật tạng. Tập Tập tạng nói về các pháp Đại Thừa cũng gọi Bồ Tát tạng. Bí Mật Tạng gồm các phương thức đàn, ấn, chú, mở một lối tu đặc biệt, gọi là Kim Cang Thừa. Đường lối chứng lên thánh đạo không ngoài căn bản Giới, Định, Huệ, nhưng chỉ một câu niệm Phật đã gồm đủ. Niệm Phật nhiếp thân, khẩu, ý trong sạch là Giới. Niệm Phật thanh tịnh lòng không loạn động là Định. Niệm Phật sáng suốt dứt hết vọng tưởng điên đảo là Huệ. Hành trì như thế, công càng dày, niệm càng sâu thì ánh nhiệm màu của giới, định, huệ, càng sáng tỏ và chiếu xa đến nơi vô cùng tận!

Hán 32:

***Nhứt cú Di Đà
Thằng bản thị ma.
Nại hà bất hội
Phiên nghi tác xà?***

Viết 32:

*Một câu A Di Đà
Dây vốn chỉ là gai.
Tại sao không thể nhận?
Nghi là rắn lắm thay!*

Lược giải:

Duy Thức Luận có đoạn thí dụ: Người nọ đi trong cảnh trời nhá nhem tối,

chợt thấy một sợi dây to nằm uốn lượn, tưởng là con rắn, vội nhảy tránh la hoảng lên. Đến chừng nhìn kỹ lại mới biết mình lầm, vì đó chỉ là đoạn dây. Nếu người ấy thể nhận sâu thêm, sẽ thấy dây kia cũng không thật, vì do những tơ gai nhỏ kết hợp thành.

Lầm đây là rắn, Duy Thức Học thí dụ cho tánh Biến Kế Sở Chấp thuộc Phi Lượng, tức chấp trước mọi sự và lượng định một cách sai lạc. Nhận ra là dây, thí dụ cho tánh Y Tha Khởi thuộc về Tỷ Lượng. Y Tha Khởi là tánh chất nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi cái khác khởi hiện, như sợi dây nương nơi tơ gai mà có. Tỷ Lượng là sự lượng định tương tự của ý thức so sánh, như thấy dây tương tự như rắn. Thể nhận sâu thêm, thấy dây cũng giả, chỉ do tơ gai kết hợp thành, thí dụ cho tánh Viên Thành Thật thuộc Hiện Lượng. Viên Thành Thật là tánh bao la sáng suốt tròn đầy xác thật. Hiện Lượng là tâm lượng của trực giác không phân biệt. Đây mới là tánh lượng xác thật rốt ráo của chân tâm.

Sự ứng dụng về niệm Phật cũng thế. Nếu cho câu hồng danh là một pháp lành, dùng nó để tu cầu phước báu hư huyền của cõi Nhơn Thiên, đó thuộc về tánh Biến Kế Sở Chấp và Phi Lượng. Có người dùng câu niệm Phật như một thoại đầu hay phương tiện để dứt trừ vọng tưởng trở lại chân tâm, cũng còn thuộc về tánh Y Tha Khởi là Tỷ Lượng. Như thể nhận niệm Phật tức là Phật, ngay câu hồng danh là phước, là huệ, là Thật Tướng, là Chân Tâm và Bồ Đề Niết bàn, đó mới là tánh Viên Thành Thật thuộc Hiện Lượng. Ứng dụng niệm Phật như thế mới đúng mức. Dùng với hai cách trước còn là khuyết điểm sai lầm. Bài kệ trên, Triệt Ngộ thiền sư muốn nêu cao sự diệu dụng về niệm Phật, để phá lối nhận thức sai lạc của một số người đối với pháp môn này.

Hán 33:

Nhứt cú Di Đà

Hãn văn hãn đồ.

Ảnh hiện cảnh lâm

Hưởng tuyên thiên cổ.

Việt 33:

Một câu A Di Đà

Rất ít nghe, ít thấy.

Gương hiện bóng rừng cây

Trống trời tiếng vang dậy.

Lược giải:

Nơi cõi trời Đạo Lợi có chiếc thiên cổ do Bồ Tát hóa hiện. Khi chư Thiên mê say theo ngũ dục, trống ấy nổi lên tiếng âm âm để cảnh giác và nói ra các pháp: Khô, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Thiên chúng nghe xong như chợt tỉnh, liền bỏ các thú vui, cùng nhau tụ họp lại Thiện Pháp Đường để giảng luận về đạo đức. Niệm Phật cũng có tác dụng giống như thế. Bởi công đức câu hồng danh, do sự nhiếp tâm xưng niệm, hành giả sẽ được tiêu trừ nghiệp chướng, lần lần đi đến chỗ giác ngộ.

Lại như tấm gương tròn sáng vẫn lặng lẽ không phân biệt, mà hiện rõ bóng hoa cỏ, rừng cây với đầy đủ chi tiết. Hành giả niệm Phật đến mức tịch tĩnh vô phân biệt thì tấm gương lòng tức Đại Viên Cảnh Trí sẽ lần lần hiện ra sáng suốt lan rộng. Trong ấy cảnh y báo và chánh báo của mười phương đều ảnh hiện, đương nhơn có thể nhận biết rõ từng số điểm hạt mưa trong tam thiên thế giới. Như Di Lặc Bồ Tát đã khai thị cho Hư Vân thiên sư:

"Gương đại trí trang nghiêm.

Hiện cảnh giới sum la.

Trời người và phàm thánh.

Thiện ác đều an lạc".

Công đức câu hồng danh rất ít nghe, ít thấy như thế, song tiếc thay cũng rất ít người am hiểu suốt thông!

Hán 34:

Nhứt cú Di Đà

Vô khả thí dụ!

Cổ cảnh đương đài

Thủy ngân đọng địa.

Viết 34:

Một câu A Di Đà

Không thể thí dụ tất!

Gương xưa nơi đài cao

Thủy ngân rơi xuống đất.

Lược giải:

Công năng niệm Phật rất mầu nhiệm, không thể nào dùng thí dụ mà nói ra cho hết được! Về thể, thì Niệm Phật sẽ phát hiện Đại Viên Cảnh Trí, ảnh hiện mọi cảnh giới: như tấm gương xưa để nơi đài cao chiếu rõ và in bóng cảnh vật một cách không phân biệt. Đã vô phân biệt thì làm sao dùng lời nói mà diễn tả thí dụ? Về dụng, câu niệm Phật viên dung không ngại như hạt thủy ngân rơi xuống mặt đất liền lăn tròn. Sự trì niệm hồng danh có đủ

Thiền, Giáo, Luật, Mật, một ngàn bảy trăm công án, tám muôn tư pháp tạng. Nói rộng ra, lục độ vạn hạnh, tất cả hành môn đều dung thông hàm chứa trong câu niệm Phật.

Hán 35:

Nhứt cú Di Đà
Lão bà tâm khổ!
Vận vạn học chu
Phát thiên quân nỗ.

Việt 35:

Một câu A Di Đà
Lòng thương xót khổ tâm!
Đẩy thuyền nặng muôn học
Kéo cung mạnh ngàn cân.

Lược giải:

Vì lòng đại từ đại bi, đức Thích Tôn cùng hằng hà sa số chư Phật ở sáu phương, đều hiện tướng lưỡi rộng dài, khen nói công đức không thể nghĩ bàn của môn Niệm Phật, khuyên chúng sanh nên phát nguyện cầu sanh về Cực Lạc. Từ xưa đến nay, chư Tổ cũng đã dẫn kinh viết luận rất nhiều, để tán dương môn Tịnh Độ. Tâm xót thương sâu rộng, lời khổ thiết khuyên răn của chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư như thế, thật đã hết lòng hết sức. Ví như người đẩy thuyền chở nặng muôn học, giương cung cứng mạnh ngàn cân, sự dụng tâm vận lực đã đến mức điểm cuối cùng vậy.

Hán 36:

Nhứt cú Di Đà
Mình mình thị hữu
Tứ biện, bát âm
Bà tâm khổ khẩu!

Việt 36:

Một câu A Di Đà
Rõ ràng chính là có.
Dùng tứ biện, bát âm
Khổ lời thương giải tỏa!

Lược giải:

Trong cảnh giới Nhứt Chân, chẳng phải rỗng không, cũng chẳng phải thật có các pháp. Cho nên Tâm Kinh nói: *"Này Xá Lợi Tử! Huyền sắc chẳng khác chân không, chân không chẳng khác huyền sắc. Huyền sắc chính là chân không, chân không chính là huyền sắc"*. Tóm lại, Chân Không chẳng phải cái không trống rỗng, mà chính nó ở ngay nơi hiện tượng huyền hữu. Có một số người tu về Không môn, như Thiền tông chẳng hạn, chưa hiểu chân lý này, lầm nhận chân tâm là một tự thể sáng suốt rỗng không. Chư cao đức bên Tông môn cũng bác lỗi tu theo nhận thức sai lạc ấy, cho đó là Hư Đầu Thiền. Bởi hiểu biết sai lạc như thế, nên họ rất ngại niệm Phật, cho tu Tịnh Độ còn có cái chướng của tướng có, như cát lẫn vào cơm. Hoặc họ cũng nhận niệm Phật là có công đức, nhưng còn thuộc về pháp hữu vi. Vì vậy, trong số các vị ấy có người đã mượn câu nói của cổ đức để thí dụ: *"Mạt vàng tuy là quý, nhưng rơi vào mắt thì xốn xang thành bệnh!"*. Kỳ thật cổ nhơn cũng có lời ấy, song nói với một ý khác về bên Thiền khi hành giả hỏi, chớ không phải thuộc bên Tịnh. Các vị ấy cũng không hiểu: Pháp vô vi dung thông bao quát, đâu riêng có ngoài pháp hữu vi?

Thuở xưa ni cô Đạo Càn đến chùa Quốc Thanh ở non Thiên Thai để phỏng đạo, có hỏi Bảo Lâm Trâm thiền sư: "Bạch tôn đức! Thế nào là tướng đại nhơn?". Trâm công đáp: "Đợi khi nào người trừ hết ngũ chướng, đến đây ta sẽ nói cho!" Ni cô thưa: "Thế thì Hòa thượng đã bị che làm rồi đây!" Ngũ chướng là thân tướng người nữ. Ý Đạo Càn muốn nói Chân Tánh không có tướng nam nữ, nếu y cứ nơi hình tướng để tìm chân tánh là sai lầm. Ngài Bảo Lâm Trâm nghe nói biết chỗ tu của Ni cô còn lạc vào lối chấp Thiên Không, nên quát bảo: "Người học ở đâu được cái Hư Đầu Thiền như thế?". Đạo Càn bị quở, bất giác xuất hạn dầm mình, chột tỏ ngộ, liền cúi xuống đánh lễ. Trâm công gạn hỏi lại: "Thế nào là tướng đại nhơn?". Ni cô liền đứng chằm hằm, giang đôi chân, giăng hai tay ra. Đây là hành động biểu thị tướng đại trượng phu, cũng ngầm nêu rõ tánh Chân Không ở ngay trong tướng có. Ngài Bảo Lâm Trâm thấy thế biết cô đã lãnh ngộ, liền gạt đầu ấn khả.

Bài kệ trên của tổ Triệt Ngộ, nhấn rõ lý Chân Không ở ngay nơi hình thức Diệu Hữu của một câu A Di Đà, nên mới nói: "Rõ ràng chính là có". Tứ biện tài như tập trước đã dẫn giải. Còn "bát âm" là tám giọng nói của Phật, gồm có: 1. Âm thanh rất trong tốt. 2. Âm thanh cực dịu dàng. 3. Âm thanh hòa nhã thích ý. 4. Âm thanh tôn trọng sáng suốt. 5. Âm thanh không pha lẫn giọng nữ. 6. Âm thanh giác ngộ không mê lầm. 7. Âm thanh rất sâu xa. 8. Âm thanh sang sảng tuôn trào bất tận. Vì thương xót muốn cho chúng sanh giác ngộ, chư Phật đã dùng bốn thứ vô ngại biện tài, tám diệu âm

thanh, khổ thiết tỏ bày dẫn đủ phương tiện chỉ rõ lý Chân Không ở ngay trong Diệu Hữu. Và chư tổ sư trước nay cũng đã thương xót nói đến đắng miệng cạn lời để giải thích lý này.

Hán 37:

Nhứt cú Di Đà

Đích đích thị vô.

Dung tha vạn tượng

Nhập ngã hồng lô.

Việt 37:

Một câu A Di Đà

Đích xác chính là không

Nếu tiêu muôn vật tượng

Tan vào một lò hồng.

Lược giải:

Như trên đã nói sáu chữ hồng danh nguyên là Diệu Hữu, bài kệ này khai thị một câu A Di Đà chính thật Chân Không. Với mục đích nêu rõ ý này, xin tạm mượn một việc đã qua để giải thích:

Nhớ lại độ nọ, có vị sư cô tu Thiền đến nói với bút giả: "Gần đây một cư sĩ niệm Phật hơn ba mươi năm, sau khi nghe lý Thiền, muốn thể nhập vào cảnh Chân Không, cảm thấy mình bị trói buộc chướng ngại. Sở dĩ như thế, do vì niệm Phật đã lâu năm, dù muốn xả bỏ tất cả, câu niệm Phật trong tàng thức vẫn cứ hiện ra tiếp tục mãi, không làm sao dứt thoát được!". Biết cô muốn bác rằng: Niệm Phật còn sự chướng ngại về sắc tướng, bút giả đáp:

- Lý tánh chân không vẫn ở ngay nơi các pháp có, nên Bát Nhã Tâm Kinh đã nói: "*Thị chư pháp không tướng*". Nếu vị cư sĩ ấy muốn thể nhập vào Chân Không thì cái không đó là Ngoan Không của ngoại đạo, chứ chẳng phải Chân Không. Tôi xin dẫn ra đây một ít bằng chứng:

1. Thuở xưa, đức Thế Tôn chỉ dạy nhiều vị Sa Môn thật hành môn Bất Tịnh Quán để dứt trừ nhiễm dục. Và đã có vô số chư tỳ kheo tu theo pháp này nên được chứng quả A La Hán. Bất tịnh vốn tướng như ác mà Phật còn bảo quán tưởng, huống chi câu hồng danh là tướng của công đức lành? Lại nếu như sắc tướng gây chướng ngại cho việc chứng lý Chân Không thì làm sao các vị sa môn kia đắc quả A La Hán?

2. Từ trước đến nay, năm chi phái về Thiền tông như Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn đều dùng câu thoại đầu làm

công phu hạ thủ. Chẳng hạn như các thiền giả tham cứu câu: "*Muôn pháp về một, một về chỗ nào?*" (*Vạn pháp qui nhất, nhất qui hà xứ?*) Hoặc có vị chỉ tham đơn độc một chữ Vô hay tham tướng chữ A theo Phạn ngữ. Sự tham cứu như thế đều nương nơi tướng có, nào khác chi hành trì câu niệm Phật? Nếu tham thoại đầu chẳng thể nhập được vào Chân Không thì làm sao các thiền sư xưa nay đắc ngộ cho đến chứng quả? Và nếu niệm Phật chẳng có công hiệu tương tự thì tại sao nhiều bậc tôn đức như Nhứt Nguyên thiền sư, Minh Bản đại sư chỉ trì niệm một câu hồng danh mà được đại ngộ, đi sâu vào tam muội?

3. Nếu cho rằng hình tướng của văn tự, ngôn âm gây chướng ngại đến lý tánh Chân Không thì tại sao các bậc tôn đức khi xưa sau khi đại ngộ rồi, trở lại niệm Phật, trì chú, tụng kinh, cho đến phiên duyệt tam tạng kinh điển? Trong số ấy, chẳng hạn như ngài Vĩnh Minh và Thủ Sơn Niệm thiền sư trọn đời trì tụng kinh Pháp Hoa, Phổ Am tổ sư trì tụng kinh Hoa Nghiêm, Khuê Phong Định Huệ thiền sư trì tụng kinh Viên Giác, Kim Hoa Câu Chi thiền sư trì tụng chú Chuẩn Đề, Minh Giáo Tung thiền sư chuyên niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Cho đến như Phần Châu Vô Nghiệp thiền sư sau khi đại ngộ, ba lần duyệt xem qua Đại Tạng kinh điển? Cho nên vị cư sĩ đó nếu muốn thể nhập vào Chân Không, hãy bỏ sự nhận thức sai lầm ấy đi, đừng nghĩ rằng Niệm Phật là chướng ngại mà tự thành chướng ngại. Vị đó cần chuyên nhứt niệm Phật hơn nữa, lâu ngày sẽ thấy tự thể câu hồng danh chính là Chân Không. Niệm như thế, chẳng những câu hồng danh là không, mà cho đến muôn vật tượng ở thế gian cũng do nhờ niệm Phật, được tan biến dung hòa vào lò Chân Không to rộng bao la khắp mười phương nữa!

Hán 38:

Nhứt cú Di Đà

Diệc vô diệc hữu.

Mộng lý sơn xuyên

Cảnh trung hoa, liễu.

Việt 38:

Một câu A Di Đà

Cũng không, cũng có tướng

Non sông nơi giấc mộng

Hoa, liễu ở trong gương.

Lược giải:

Bài kệ trên nêu rõ ý: Câu niệm Phật nói không cũng được, nói có cũng

được. Ví như bóng cành hoa, cội liễu lộ trong gương sáng, cảnh non cao, sông rộng hiện giữa giấc mơ. Trường hợp ấy, nói không cũng được vì đó chỉ là hình bóng, là cảnh mơ; nói có cũng được, bởi nó vẫn có ảnh tượng của cảnh vật vậy.

Hán 39:

Nhứt cú Di Đà

Phi hữu phi vô.

Nại trước tiệp chuyển

Thủy thượng hồ lô.

Việt 39:

Một câu A Di Đà

Chẳng có chẳng hư vô.

Chạm đến liền lặn chuyển

Trên nước chiếc hồ lô.

Lược giải:

Trong bốn bài kệ liên tiếp, bài đầu nói về lý Có, bài thứ hai nói lý Không, bài thứ ba nói lý CŨNG CÓ CŨNG KHÔNG, và bài thứ sau sau này nói lý CHẲNG PHẢI CÓ CHẲNG PHẢI KHÔNG của câu niệm Phật. Thật ra câu hồng danh tuy không rời bốn lý trên, nhưng cũng chẳng thuộc riêng vào một thứ nào trong bốn lý ấy. Ý nghĩa đích thật của câu niệm Phật là "Viên dung tự tại chẳng thể nghĩ bàn!". Nếu hiểu ý này, hành giả có thể tùy duyên ứng phó với mọi hoàn cảnh trong mọi trường hợp: hoặc có, hoặc không, cũng có cũng không, cho đến chẳng phải có chẳng phải không, một cách dung thông tự tại, không bị nó làm dính mắc chướng ngại. Ví như chiếc hồ lô thả nổi trên mặt nước, chạm đến liền lặn tùy tiện lặn chuyển, không nằm hẳn một về nào. Bài kệ tiếp sau đây, sẽ nói rõ thêm về thật nghĩa của câu niệm Phật.

Hán 40:

Nhứt cú Di Đà

Đệ Nhứt Nghĩa Đế.

Thượng siêu bách phi

Khởi lạc tứ cú!

Việt 40:

Một câu A Di Đà

Là Đệ Nhứt Nghĩa Đế.

*Còn vượt khỏi bách phi
Huống rơi vào tứ cú!*

Lược giải:

Trước tiên xin giải qua về Tứ Cú, Bách Phi. Tứ Cú là bốn câu gồm: Có, không, cũng có cũng không, và chẳng phải có chẳng phải không. Bách Phi: Bách là ước số lấy một trăm làm giới hạn. Phi là chẳng phải, tiêu biểu cho nghĩa bác phá. Đây nói chân lý vốn phi hữu, phi vô, phi thường, phi đoạn, phi sanh, phi diệt, phi nhứt, phi dị, phi lai, phi khứ, phi hữu biên, phi vô biên v.v... cho đến cả một trăm thứ phi. Tại sao thế? Bởi lý tánh ấy tuyệt ngôn luận, dứt tâm tư, chẳng thể dùng lời nói và sự suy nghĩ mà viển đến và diễn tả được.

Còn Đệ Nhứt Nghĩa Đế là thế nào? Đây là nghĩa chân thật bậc nhứt, bên Tông mệnh danh là: *Một bước trên đầu sào trăm trượng*, bên Giáo gọi là: Bất Nhị pháp môn hay Thánh Đế. Xin mượn lời vấn đáp của vua Lương Võ hởi tổ Đạt Ma để tạm giải thích: Hỏi: "Bạch ngài! Sao gọi là Đệ Nhứt Nghĩa Đế hay Thánh Đế?". Đáp: "Rỗng rang không tánh!".

Quy kết lại, ý bài kệ trên nói: Một câu A Di Đà, nếu vận dụng đến mức cùng tột, hành giả sẽ lìa tứ cú, vượt khỏi bách phi, đi ngay vào Đệ Nhứt Nghĩa Môn, tức thể nhập chân tâm vậy.

Qua năm bài kệ liên quan nhau nói trên, từ diễn dịch cho đến quy nạp, ở điểm nào câu niệm Phật cũng dung thông không ngại. Nhưng luận về phần căn bản, các lỗi chấp của nhà tu học Phật pháp xưa nay chẳng ngoài hai điểm: Có và Không. Bước đầu tiên vào đạo, và cũng thuộc phần đa số, người tu Phật thường hay chấp Có. Khi làm các công đức lành, họ sanh niệm trước tướng, đôi khi dẫn đến sự tự mãn khoe khoang. Lỗi chấp này gây trở ngại cho bước ngộ đạo, tiến trình đến cảnh giới giải thoát.

Sau khi đi sâu thêm vào biển Phật pháp, xem đến kinh Kim Cang, Pháp Bảo Đàn, hoặc nghiên cứu về thiên lý cao siêu, hầu hết lại rơi vào lỗi chấp Không. Do đó, có nhiều kẻ đã không xem trọng điểm ăn chay, giữ giới, bác bỏ sự niệm Phật tụng kinh cùng các việc làm lành, cho là thấp kém trước tướng, chẳng hợp với trình độ cao siêu của lý Không. Họ đâu hiểu lý Không của Đại thừa là làm tất cả công đức hữu vi mà không chấp thấy có tướng làm. Chẳng hạn như kinh Kim Cang bảo Bồ Tát bố thí chẳng nên trụ tướng, là không chấp thấy mình là người thí cho, đây là vật trao giúp, kia

là kẻ được ân huệ nhận lãnh. Bồ thí như thế công đức mới vô hạn lượng, rộng lớn như hư không. Trong ấy cũng nói về tụng kinh này sẽ được công đức như thế nào? Vậy thì kinh Kim Cang, một áo điển điển đạt về lý Không của Đại Thừa đâu từng bác bỏ việc tụng kinh, bồ thí?

Trong hai lối chấp trên, chấp Có hãy còn gốc luân hồi, song chấp với những việc lành, cũng sẽ được phước báu cõi Nhơn Thiên. Đến như chấp Không, bác phá tất cả sự tướng thì quả thật là tai hại. Kinh Phật gọi đó là tội phá chánh kiến, bởi vì bài bác nhân quả. Nó gây sự lầm lạc cho mình và người hủy hoại Phật pháp, khiến cho đương nhơn dễ sa vào địa ngục! Đây là hiện tượng mà các bậc thiện tri thức gọi là nhức đầu đau tim (thống tâm tật thủ) vì nó gây tổn thương rất nhiều cho Phật giáo. Chấp Không như thế lại dễ khiến cho loài Không Ma dựa vào tác hại, làm hành giả đảo điên.

Bút giả đã gặp một Thượng Tọa thuật lại câu chuyện như sau:

Theo ý tôi, vị Thượng Tọa ấy nói, việc tham thiền chỉ thích hợp riêng cho một số ít người bậc thượng căn. Thời nay, phần đông hàng tăng, tục khi tu, nên lấy niệm Phật làm phần chánh, tụng kinh hoặc trì chú làm phụ. Bởi tham thiền mà chưa thể thường nhiếp tâm vào định, hoặc hiểu sai lầm rồi trụ tâm nơi cái ngoan không ám muội, tất sẽ bị loài không ma dựa vào.

Chính tôi đã mục kích vài ba người trong trường hợp này. Độ nọ, có một sư cô đến gặp tôi đánh lễ, trình thưa rằng: "Huynh đệ con hơn mười người, trước kia đã thọ giáo với một vị tự xưng là Khán Không thiền sư. Vị này bảo phải gạt hết tướng có, trụ tâm vào nơi không. Huynh đệ con thật hành theo một thời gian, về sau tất cả đều bị loài ma ám nhập, nói việc vị lai quá khứ, luận thuyết toàn là lý Không. Riêng phần con, nó đã dựa vào hơn mười năm. Hiện thời khi gặp tượng hay kinh Phật, nó giục bảo phải đập phá xé bỏ. Gặp hàng Tăng Ni, lại giục bảo phải chửi mắng, nói những lời thô tục. Con tự kèm hãm chống trả lại, tìm nhiều bậc Pháp sư cầu cứu, song họ đều nói con ma này uy lực cao không thể trục xuất ra được. Nay con đến đây đánh lễ cầu xin thầy có phương pháp chi giải thoát dùm con!". Tôi nghe nói, bảo sư cô ấy tạm nằm nơi ghế dựa, rồi ngồi phía sau để tay kiết ấn nơi đánh mà trì chú Chuẩn Đề. Tụng một lát, cô ấy chuyển lời nói con ma năn nỉ xin tha, vì nó ra ngoài bơ bơ không nơi nương tựa. Tôi không chấp thuận, tiếp tục trì chú mãi. Ban sơ, sư cô nghiêng trở, dần vật mình, kế tiếp lần lần thở gấp gần như đứt hơi. Tôi thấy thế liền dừng lại, vì biết nếu cứ trì tụng tiếp, nó có thể liều chết giết người bịnh trước, phó mặc

cho sự thể ra sao thì ra. Đã có vài vị pháp sư bị cảnh ma giết người bệnh trong trường hợp này.

Tối hôm ấy, tôi trì chú, cầu nguyện xin chư thần giúp đỡ. Hơn một giờ đêm, trong giấc mơ tôi thấy có hai vị Kim Cang sứ giả. Một vị thân màu đen như sắt, khôi giáp toàn trắng; vị kia thân trắng như bạc, khôi giáp toàn đen. Trước tiên, Thiết sứ giả lấy ra một binh khí lạ dường như xa luân múa lên. Giây phút, từ binh khí ấy phát tiếng kêu vo vo, phóng ánh sáng lạ mắt. Kế tiếp vị Ngân sứ giả đưa tay ra ngăn lại bảo: "Hãy từ từ xem nó có chịu cải hối hay không đã!". Tới đây, cảnh tượng đều ảm đạm. Thức tỉnh, tôi ngẫm nghĩ biết chư vị mách bảo: Nên khuyến hóa hơn là dùng uy lực gây oan trái. Sáng ra tôi thuyết giáo chỉ rõ lối chấp sai lầm không lợi ích cho con ma nghe, nó xin sẽ chuyển hướng tu theo chánh pháp. Riêng phần sư cô nọ, tôi bảo vì loài ma đã dựa vào quá lâu, nên thể phách của nó có phần dính liền với thể xác. Nếu vội trục xuất, e cho thân của người bệnh sẽ bị tổn. Tôi truyền ấn và chú Chuẩn Đề, bảo cô nên hằng ngày trì tụng. Với uy lực của chú, ma sẽ từ từ xuất ra. Sư cô ấy vâng lời.

Nói xong vị Thượng Tọa kết luận: Sự nhận thức cùng tu tập sai lầm, gây nên tổn hại và cứu gỡ khó khăn là như thế.

Hán 41:

Nhứt cú Di Đà

Diệu viên Tam Đế.

Tối thanh lương trì

Đại mãnh hỏa tộ.

Việt 41:

Một câu A Di Đà

Màu tròn Tam Đế lý.

Như ao rất thanh lương

Tợ lửa to thiêu hủy.

Lược giải:

Tam Đế là ba lý chắc thật: Không, Giả, Trung. Không Đế hiển công dụng phá tình chấp. Giả Đế hiển công dụng lập các pháp. Trung Đế hiển công năng dứt đối đãi. Trung Quán Luận có bài kệ:

Các pháp nhân duyên sanh

Ta nói tức là Không.

Cũng gọi là Giả Danh.

Cũng là nghĩa Trung Đạo.

Các pháp vì hư huyền chẳng có thật thể, nên gọi là Không. Vì sanh diệt vô thường nên gọi là Giả. Vì tự tướng lộ lộ hiện bày, chẳng thể nói riêng là Không, là Giả, dứt ngôn thuyết tâm tư, nên gọi là Trung. Kinh Pháp Hoa nói: "Các pháp từ xưa nay. Tự tướng hằng tịch diệt" chính là nghĩa này. Trong ba đế, Không bao hàm cả Giả, Trung. Giả và Trung cũng đều lại như thế, nên gọi là “màu tròn”, cũng gọi là Tam Đế Tương Tức.

Dùng trí tuệ quán chiếu, các pháp đã như thế, thì câu hồng danh cũng đủ lý Tam Đế nhiệm màu tròn thông như vậy. Hiểu được lý này, tất có thể ứng dụng hạnh Niệm Phật siêu vào cảnh giới đại tịch diệt, như đồng lửa lớn cháy hừng đốt tiêu tất cả rác rến, trần cấu, như ao to mát mẻ dứt trừ tất cả hơi nóng của não phiền. Hành giả sẽ lần lần chứng vào chân cảnh Tịnh Bảo Nguyệt Quang Minh tam muội vậy.

Hán 42:

Nhứt cú Di Đà

Đắc đại tự tại.

Chuyển biến thánh phàm

Dung thông thế giới.

Việt 42:

Một câu A Di Đà

Chứng được đại tự tại.

Hay chuyển thánh siêu phàm

Dung thông mười giới hải.

Lược giải:

Với câu niệm Phật, nếu hành giả ngộ suốt lý Tam Đế như trên, sẽ vượt thánh siêu phàm chứng vào chân tâm tuyệt đối. Cảnh trí này không còn giới hạn giữa tự cùng tha, như với pháp, chúng sanh và Phật, nên gọi là Đại Tự Tại tam muội. Ánh sáng chân tâm sẽ từ đó lan rộng ra, chiếu suốt vô biên thế giới ở mười phương. Trong ánh đại quang minh, biến thế giới mười phương đều lung linh như huyễn, tròn trặn nhiệm màu, dung thông vào một chân cảnh.

Hán 43:

Nhứt cú Di Đà

Hữu công giả thưởng.

Vương thiện dinh tiền

Kế châu tại chưởng.

Việt 43:

*Một câu A Di Đà
Thường kẻ có công hay
Yến tiệc vua đầy trước
Châu mái tóc nơi tay.*

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật có thí dụ đại khái: "Như vua Chuyển Luân đem quân dẹp giặc, thấy những binh tướng có công, đều tùy phần mà thưởng, hoặc cho y phục, châu báu, chỉ đến thành ấp tụ lạc. Duy hạt minh châu nơi mái tóc chẳng đem cho, vì riêng trên đầu vua chỉ có một viên bảo châu ấy thôi. Nếu vua thấy vị nào có công lớn, mới đem hạt ma ni vô giá để từ lâu nơi mái tóc ra cho. Đức Như Lai cũng như thế, nếu thấy hàng đệ tử y theo các kinh khác dứt trừ ba độc năm ấm, liền ban cho các pháp thiền định, giải thoát, chỉ đến thành Niết Bàn, bảo rằng đã diệt độ. Nhưng riêng kinh Pháp Hoa lại không nói ra, vì kinh này rất sâu khó tin, quý báu bậc nhất. Nếu hàng đệ tử nào có công lớn phá các vô minh phiền não, vượt ra ba cõi, phát tâm Đại Thừa, mới đem kinh Pháp Hoa là tạng bí mật, từ lâu hằng nghiêm cẩn giữ gìn, ngày nay tuyên thuyết".

Môn Niệm Phật cũng như thế, là Bí Mật Tạng chỉ thưởng riêng cho những kẻ có công tin nhận diệu pháp thành Phật này. Tin tưởng và thật hành theo môn Niệm Phật tức như người đã có trước mặt yến tiệc đầy đủ sơn hào hải vị của vua ban, đã cầm vào tay viên minh châu nơi mái tóc của Chuyển Luân vương vậy.

Hán 44:

*Nhứt cú Di Đà
Lý nhân vi mỹ.
Cư bốc lai quy
Khô thung phi qui.*

Việt 44:

*Một câu A Di Đà
Xóm nhân là tốt quý.
Lựa chỗ ở nương về
Cây khô không phải quý.*

Lược giải:

Thuở thầy Mạnh Tử còn bé, nhà ở xóm có hàng thịt. Khi ông cùng lũ trẻ

nô đùa, thường họp nhau nắn đất thành hình súc vật, rồi bày ra trò giết heo dê. Bà mẹ thấy thế, e con mình về sau thành kẻ đồ tể, liền dời nhà đi nơi khác. Chỗ ở kể lại không may gặp nhằm xóm có một nhóm người chuyên nghề ma chay chôn cất. Hằng ngày Mạnh Tử lại cùng đám trẻ bắt chước đào huyệt, nắn đất thành hòm, giả trang sức đồ tang, bày trò chơi khóc than, tấn táng. Thấy vậy bà mẹ không ưng, tìm chỗ tản cư. Lần sau này, nhà ở gần trường học. Mạnh Tử lại cùng lũ trẻ bắt chước lời nói khiêm nhường lễ nghĩa, học dáng điệu cung kính chào thưa, cùng ê a đọc sách. Bà mẹ trông thấy mừng thầm, yên lòng không dời đi đâu nữa. Cũng như thế, người gặp pháp giải thoát của môn Niệm Phật, có khác nào kẻ tìm chỗ ở, được may mắn gặp nhằm xóm nhân đức hiền lương. Gia đình kẻ ấy sẽ lần lần tập nhiễm hạnh lành tánh tốt vậy.

Một người đi đêm bất ngờ gặp trụ cây khô, lầm tưởng là quỷ nên thảng thốt, kinh hoảng. Nhưng quan sát kỹ, đó chỉ là cây khô không làm sao có tác dụng của ma quỷ được, nên lại yên tâm ngẫm nghĩ buồn cười cho mình. "Trụ cây khô" còn tiêu biểu cho pháp chân như bất biến. Cổ đức có câu:

"Cây khô xơ xác tựa rìng đông.

Mấy độ xuân sang chẳng đổi lòng!"

(Tội tàn khô mộc ý hàn lâm.

Kỷ độ phòng xuân bất biến tâm)

Pháp Niệm Phật là viên ngọc ma ni, là con thuyền giải thoát, mà kẻ không biết giá trị xem thường như đất sạn, khác nào anh chàng thảng thốt kia nhìn cây khô, tưởng là ma quỷ đâu!

Hán 45:

Nhứt cú Di Đà

Phi nan, phi dị.

Cửu phẩm liên hoa

Nhứt sanh tâm lực.

Việt 48:

Một câu A Di Đà

Chẳng khó, nhưng không dễ.

Được về chín phẩm sen

Một đời dùng tâm lực.

Lược giải:

Môn Niệm Phật quả dễ thật hành, câu hồng danh niệm ra không phải khó. Tuy nhiên, niệm với tâm tín nguyện chắc thật, niệm với hạnh bền bỉ lâu dài, niệm với ý dứt tuyệt trần duyên, lại là điều không phải dễ. Với ba điều

kiện vừa kể trên, trong muôn ngàn người khó tìm được một. Cho nên cũng đừng vội xem thường hạnh Niệm Phật. Muốn được dự vào chín phẩm sen ở cõi Tây phương, người tu tịnh nghiệp phải đem hết năng lực của thân và tâm, chẳng ngại khổ nhọc thật hành suốt một đời, mới mong đạt được kết quả.

Hán 46:

Nhứt cú Di Đà

Tự lộ hoàn gia.

Khả tích si nhơn

Khí kim đảm ma!

Việt 46:

Một câu A Di Đà

Theo đường trở lại nhà.

Tiết cho kẻ khờ dại

Bỏ vàng gánh vỏ gai!

Lược giải:

Trong kinh có đoạn thí dụ về điểm cô chấp của kẻ khờ dại: Hai người nọ vào rừng róc lột vỏ gai để lấy tơ dệt vải bố. Trên lối về với đôi gánh vỏ gai oằn oại nơi vai, cả hai gặp một đồng tơ gai của ai bỏ sót trên đường. Một người mừng rỡ bảo: "Chúng ta đem vỏ gai về, chẳng qua để đập rồi ngâm lấy tơ. Nay đã có sẵn, tơ gai ở đây, nên bỏ thứ vỏ nặng nề này, lấy tơ đem về!". Nói xong liền thật hành theo ý định. Kẻ kia chấp mê rằng mình đã ra công gánh vỏ gai trải qua một quãng đường rồi, nên không chịu bỏ. Đi thêm đoạn nữa, cả hai bỗng gặp mấy xấp vải bố của một chiếc xe tải làm rơi rớt ngổn ngang. Người gánh tơ lại mừng nói: "Vỏ gai hay tơ gai dù đem về cũng chỉ dùng để dệt vải bố. Nay đã có thứ này ở đây, chúng ta phải bỏ hết cái cũ mà chọn lấy vải là quý hơn!". Nói đoạn vội bỏ tơ gai, chất vải bố đầy gánh. Kẻ kia cũng chấp rằng mình gánh vỏ gai quá xa, nên không chịu bỏ. Đi thêm một đoạn đường, cả hai dừng lại ngồi nghỉ, chợt thấy một hốc dưới gốc cây khô nằm la liệt mấy hũ vàng, có lẽ của ai đã chôn giấu từ lâu. Người gánh vải quá mừng, vội vớt lại thứ cũ, chọn lấy hai hũ vàng đem về, vì vải không làm sao bằng vàng được. Còn kẻ si mê kia vẫn cố chấp mình đã ra công quá nhọc, thà chịu gánh vỏ gai chớ không lấy vàng.

Môn Niệm Phật là pháp viên đốn, là đường lối thẳng tắt để trở lại nhà.

Người đã gặp môn tối thượng mau thành phật này, mà còn tham cầu phước báu nhơn thiên, còn mê chấp lối tu tà ngoại, còn giữ theo những hành môn

quanh co khó bảo đảm cho sự giải thoát. Tổ Triệt Ngộ cho đó là một lối si chấp, như kẻ thà cam gánh vổ gai không chịu chọn lấy vàng vẩy.

Hán 47:

Nhứt cú Di Đà

Hoành xuất Ta Bà.

Nhữ tín bất cập

Ngô mặc như hà?

Việt 47:

Một câu A Di Đà

Vượt ngang thoát Ta Bà.

Người tin không thấu đáo

Ta biết làm sao mà?

Lược giải:

Có hai lối tu để thoát vòng luân hồi trong Tam Giới. Đó là lối Thụ Xuất, vượt ra theo chiều dọc. Và Hoành Xuất: vượt ra theo chiều ngang. Kẻ tu đường lối Thánh đạo, dùng sức Giới, Định, Huệ lần lượt dứt trừ Kiến hoặc cùng Tư hoặc của Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, thoát ra ba cõi, gọi là Thụ Xuất. Ví như con ong muốn ra khỏi cây tre, dùng sức khó nhọc đục từng mắt tre theo chiều đứng, mà tìm lối thoát. Còn người tu theo đường lối vãng sanh, tuy chưa dứt trừ hoặc nghiệp, nhưng biết dùng sức tín, nguyện, hạnh của mình và nương theo sức bản thể nhiếp thọ của Phật, cũng được vượt thoát ba cõi Ta Bà, sanh ngang về Lạc quốc. Đã về cõi ấy rồi, tất không còn bị luân hồi, lần lượt chứng lên các thánh phẩm, cho đến khi thành Phật. Đây gọi là lối tu Hoành Xuất. Ví như con ong biết dùng phương tiện đục ngang cây tre mà thoát ra, đã dễ dàng lại ít nhọc công phí sức.

Pháp môn Tịnh Độ là lối tu Hoành Xuất Tam Giới, là phương tiện nhiệm màu để mau thoát luân hồi, chứng lên quả Phật. Trong nhiều kinh luận, chư Phật và chư Tổ đã tuyên dương khen ngợi rộng về môn này. Song tiếc thay những kẻ kém duyên sức tin chưa thấu đáo thì lòng từ bi của các ngài dù trải ra vô lượng vô biên, nhưng kết cuộc cũng không biết làm sao mà cứu vớt được!

Hán 48:

Nhứt cú Di Đà

Quy nguyên tiếp kính.

Khẩn yếu tư lương

Duy Tín, Nguyễn, Hạnh.

Việt 48:

*Một câu A Di Đà
Là đường tắt về nguồn.
Những tư lương cần thiết
Tín, Nguyễn, Hạnh gọt suông.*

Lược giải:

Câu niệm Phật là con đường thẳng tắt để trở lại nguồn tâm. Như người đi xa cần dự bị cho đủ tư lương là: tiền nong, đồ phục dụng và thức ăn uống. Tư lương cần thiết đi về Tịnh Độ cũng thế, chỉ suông gọn trong ba điểm: Tín, Nguyễn, Hạnh mà sau đây sẽ nói.

Hán 49:

*Nhứt cú Di Đà
Yếu tại tín thâm
Liên hoa cửu phẩm
Sưu tại thử tâm.*

Việt 49:

*Một câu A Di Đà
Cần ở điểm Tin sâu.
Mầm hoa sen chín phẩm
Từ tâm đây nhô đầu.*

Lược giải:

Lòng Tin là phần tư lương trước tiên của môn Niệm Phật. Hoa sen chín phẩm ở Tịnh Độ cũng từ lòng Tin này mà nẩy mầm nhô đầu lộ mọc lên. Nhưng Tin cần phải sâu chắc, có thể tóm gọn trong ba điểm:

Một là tin cõi Cực Lạc trang nghiêm tốt đẹp kia vẫn thật có, không phải chuyện hư huyền hay thí dụ. Vì đức Phật Thích Ca không bao giờ nói dối, Ngài đã diễn tả rành rẽ từng chi tiết của cảnh ấy trong ba kinh Tịnh Độ. Vì đã có rất nhiều người niệm Phật trong đời hiện tại, do tâm thanh tịnh, từng chứng kiến cảnh giới này.

Hai là tin sự vắng sanh về cõi kia cũng hiện thật. Vì đức A Di Đà Thế Tôn không bao giờ nguyện suông, nói mà chẳng thật hành. Vì từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật, khi lâm chung hiện ra điềm lành, được Tây phương Tam Thánh hiện thân tiếp dẫn sanh về Cực Lạc.

Ba là tin mình dù còn phiền hoặc, dù nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu

chí tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh tất sẽ được tiếp dẫn. Vì trong kinh Vô Lượng thọ đã nói, kẻ tạo nghiệp ngũ nghịch thập ác khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vì trong truyện ký đã có ghi, những kẻ tạo ác nhiều như Hùng Tuấn, Duy Cung, nhờ biết hồi tâm niệm Phật đều được sự tiếp dẫn.

Hán 50:

Nhứt cú Di Đà

Yếu tại Nguyện thiết.

Thốn tâm dục phần

Song mục lưu huyết.

Việt 50:

Một câu A Di Đà

Cần ở nơi Nguyện thiết

Lòng về tợ lửa nung

Mắt thương khóc ra huyết.

Lược giải:

Nguyện là phần tư lương thứ hai của môn Niệm Phật. Nhưng Nguyện phải tha thiết, không tham luyến trần cảnh, gia tư, quyến thuộc, không mong cầu hưởng sự vui phước báu hơn thiên nơi đời sau. Chỉ nguyện mau sanh về Cực Lạc, để thoát khỏi nỗi khổ luân hồi, để sớm thấy Phật và chứng kiến cảnh trang nghiêm của Liên Bang, để độ thoát mình, kẻ oan, người thân và vô lượng chúng sanh trong vòng chìm đắm. Chí nguyện cầu sanh ấy nung nấu như lửa đốt lòng, đôi mắt thương cảm tha thiết trông về hầu như tuôn ra huyết lệ.

Hán 51:

Nhứt cú Di Đà

Yếu tại Hạnh chuyên

Đơn đề nhứt niệm

Trăm đoạn vạn duyên.

Việt 51:

Một câu A Di Đà

Cần ở chỗ Hạnh chuyên.

Chỉ nêu cao một niệm

Dứt sạch cả muôn duyên.

Lược giải:

Sau rốt, Hạnh là phần tư lương thứ ba của môn Niệm Phật. Song Hạnh cần phải tinh chuyên. Điều này có thể tóm lại trong hai câu: "Rủ sạch muôn duyên. Một lòng niệm Phật". Muốn rủ sạch muôn duyên, phải thấu đáo cảnh Ta Bà là khổ, mọi sự vật đều vô thường, như huyễn mộng, mà không còn niềm tham luyến. Muốn một lòng Niệm Phật, phải hâm mộ cảnh Cực Lạc y báo, chánh báo vui đẹp trang nghiêm, mong mỗi cầu về như con thơ nhớ mẹ, như lữ khách tưởng nghĩ trở lại quê xưa.

Ba điểm Tín, Nguyện, Hạnh trên tuy giải thích riêng từng phần, song thật ra cả ba đều liên quan hỗ trợ lẫn nhau. Như cái đánh có ba chân, nếu thiếu một phải sụp đổ tất cả vậy.

Hán 52:

Nhứt cú Di Đà

Thệ thành phiên đoạn.

Bản thử nhứt sanh

Tác cá nhàn hán.

Việt 52:

Một câu A Di Đà

Thệ niệm thành một khối.

Liều tu mãn kiếp này

Được làm người nhàn rồi.

Lược giải:

Người tu tịnh nghiệp do ý thức nổi khổ sống chết luân hồi là việc lớn cần phải giải quyết, nên phát tâm Bồ Đề. Từ nơi điểm này dùng lòng tin nguyện sâu thiết, hành trì câu hồng danh thệ niệm thành một khối, không để phiền não xen vào. Trong đời này phải liều mình hết sức tu hành như thế, để bảo đảm cho sự vãng sanh lúc lâm chung. Khi đã được về Cực Lạc rồi, chừng đó mới thoát vòng sống chết, làm người an nhàn tự tại, không còn lo bị luân hồi sa đọa nữa.

Hán 53:

Nhứt cú Di Đà

Chỉ nhâm ma niệm.

Bách bát luân châu

Tuyệt đoạn trùng hoán.

Việt 53:

*Một câu A Di Đà
Nên niệm như thế này.
Chuỗi lần trăm lẻ tám
Dây đứt lại đổi dây.*

Lược giải:

Kẻ sức yếu lúc lên non, muốn được vững vàng, phải nương cây gậy. Cũng như thế, người tu Tịnh nghiệp khi niệm lực chưa thuần, cần nương nơi tràng chuỗi giữ chắc định số mỗi ngày để phòng ngừa sự biếng trễ. Cứ niệm mãi như vậy, chuỗi đứt lại đổi dây khác, khi nào đến cảnh giới "không niệm tự niệm", chừng đó muốn lần chuỗi hay không cũng được. Đừng nghĩ rằng lần chuỗi sẽ mất sự tự tại. Cổ đức đã trình thuật lại kinh nghiệm lần chuỗi vẫn được viên dung vô ngại như sau:

"Nắm lấy chuỗi tràng trần niệm đứt.

Nghiễm nhiên thành Phật đã từ lâu!"

(Niết khởi sổ châu tràng sách đoạn.

Thể hương phạn thực dĩ đa thời).

Còn phương pháp niệm Phật như thế nào, dưới đây sẽ lần lượt chỉ rõ.

Hán 54:

Nhứt cú Di Đà

Bất cấp, bất huẩn

Tâm khẩu nhứt như

Lịch lịch nhi chuyển.

Việt 54:

Một câu A Di Đà

Chẳng gấp cũng chẳng huẩn.

Lòng miệng ứng hợp nhau

Rành rõ mà chuyển niệm.

Lược giải:

Cách niệm Phật không nên gấp hoặc huẩn lắm. Niệm gấp tất khó rành rõ, có hại cho sự huân tập câu hồng danh, ngày kia cảnh giới "không niệm tự niệm" phát hiện, câu Phật hiệu cũng không được rành rõ. Niệm huẩn thì vọng tưởng dễ xen lẫn vào. Lại quá dùng sức niệm mau gấp, hư hỏa sẽ bốc lên, thần kinh căng thẳng, tất sanh bệnh nám mặt, đau đầu. Niệm huẩn dài lâu là thì tâm ý buông lơi, sẽ sanh lỗi hôn trầm biếng trễ.

Khi niệm phải tiếng nương nơi tâm, tâm duyên theo tiếng, lòng và miệng ứng hợp nhau, cứ niệm đều đều ngoài ra không tưởng nghĩ chi khác.

Hán 55:

Nhứt cú Di Đà

Dũ đa, dữ hảo.

Như nhơn học xạ

Cửu tập tắc xảo.

Việt 55:

Một câu A Di Đà

Niệm càng nhiều càng hay

Ví như người học bắn

Tập lâu thì khéo tay.

Lược giải:

Người học bắn, càng tập lâu tất nghề càng tinh xảo. Câu hồng danh là sự kết tụ vô biên phước huệ của Phật, niệm càng nhiều thì căn lành càng thuần, công đức càng to rộng, phẩm sen lại càng cao. Ngẫu ích đại sư đã nói: "Được vãng sanh cùng không là do nơi Tín, Nguyện. Phẩm sen cao hoặc thấp, toàn bởi sự Hành trì!".

Hán 56:

Nhứt cú Di Đà

Nhiếp tâm mật trì.

Như nhơn ẩm thủy

Lãnh noãn tự tri.

Việt 56:

Một câu A Di Đà

Mật niệm hằng nhiếp tâm.

Ví như người uống nước

Nóng lạnh tự biết thăm.

Lược giải:

Kinh nói: "Chỉ tâm niệm một câu A Di Đà, tiêu được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết". Một kiếp sống chết là một quãng đời trong nẻo luân hồi. Liên Trì đại sư cũng bảo: "Câu niệm Phật là đại phước, đại đức, đại trí, đại huệ, đại thánh, đại hiền!". Về phước thì câu hồng danh cảm hiện nhạc trời, hương lạ, ao báu, đất vàng, cho đến vô lượng cảnh tượng tốt đẹp trang nghiêm. Về huệ thì câu Phật hiệu sẽ khiến cho hành giả tiêu trừ tội chướng, lần lần đi sâu vào cảnh giới giác ngộ, chứng lên Thánh

Quả. Tiến trình chứng ngộ phước và huệ thấp hoặc cao ấy, duy đương
nhơn tự biết; như người uống nước lạnh, nóng chỉ mình hay, không thể
diễn tả ra được!

Hán 57:

*Nhứt cú Di Đà
Thí du quật tỉnh.
Tự hạ cận nê
Giá liêm, công tỉnh.*

Việt 57:

*Một câu A Di Đà
Như đào giếng lấy nước.
Lần sâu thấy gần bùn
Giá hời công kiệm ước.*

Lược giải:

Kinh Pháp Hoa có thí dụ: "Như người đào giếng, trước tiên duy thấy đất
cát khô ráo, biết mực nước hãy còn xa. Lần lần thấy đất ướt và bùn, biết đã
gần tới mực nước. Người tu Phật cũng thế, khi chưa nghe hiểu kinh Pháp
Hoa, kẻ ấy hãy còn xa đạo Vô Thượng Bồ Đề. Lúc đã nghe hiểu kinh này,
tất biết người ấy đối với đạo Vô Thượng Bồ Đề không còn xa nữa...".
Với môn Tịnh Độ cũng lại như thế, người nào đã biết và tu pháp Niệm
Phật, tất kẻ đó đã gần đạo Vô Thượng Bồ Đề. Chẳng những gần ấy mà
thôi, với pháp môn này chỉ cần dụng công trong một đời, khi được vãng
sanh, tức đã bước lên ngôi Bất Thối Chuyển, không còn bị lui sụt nơi Phật
quả nữa. Sự dụng công phu ít nhưng thành đạo quả cao như thế, há chẳng
giống kẻ đào giếng với giá hời, hoặc may mắn ra công sức chưa bao lâu
mà đã thấy lộ bùn gần mực nước đó ư!

Hán 58:

*Nhứt cú Di Đà
Loại như toàn hỏa
Mộc noãn yên sanh
Tạm đình bất khả.*

Việt 58:

Một câu A Di Đà

*Như cọ gỗ lấy lửa
Gỗ nóng khói phát sanh
Chớ tạm dừng lần lựa.*

Lược giải:

Thời xưa ở Ấn Độ, khi muốn lấy lửa người ta cọ hai thanh gỗ khô vào nhau. Cọ đến khi nào gỗ nóng phát sanh ra khói, mới để đồ dẫn hỏa vào, tự nhiên lửa bắt phừng cháy. Nếu cọ nửa chừng, hoặc đến lúc đã nổi khói mà bỏ dở tạm dừng, thì gỗ sẽ lần lần nguội đi không phát ra lửa được.

Sự hành trì câu A Di Đà cũng như thế. Khi chúng sanh ở Ta Bà phát tâm niệm Phật cầu về Cực Lạc, thì nơi ao báu ở Tây phương đã nở hiện một búp sen. Nếu hành giả mỗi ngày đều tinh tấn trì niệm, hoa sen ấy sẽ lần lần to lớn. Như nửa chừng bỏ dở, hoa sen cũng lần khô héo rồi tàn. Bởi đóa sen chín phẩm nơi liên trì, đều do công đức của hành giả mà thành tựu.

Ngày kia công hạnh thành, báo thân mãn, thần thức của đương nhơn sẽ gởi vào thai sen đó mà hóa sanh. Cho nên người tu tịnh nghiệp chớ nên niệm Phật nửa chừng rồi bỏ dở, hoặc biếng trễ lần lựa tạm dừng. Vì trễ sót như thế tất nhiên thai sen sẽ hỏng.

Viết đến đây, bút giả nhớ lại độ trước có được cô Diệu Thuần ở quận Ba Tri tỉnh Bến Tre, thuật lại cho nghe điềm mộng như sau:

- Bạch thầy! con nằm mơ thấy đến một ngôi chùa, trước chùa có ao to rộng, nước trong suốt, các đóa hoa sen nhiều sắc, hoặc lớn hoặc nhỏ đua nhau tươi nở. Gần bờ ao có một hoa sen to lớn độ bằng chiếc mâm thau tròn. Nhưng đóa hoa ấy lại bị cái chụp úp lên. Con lại gần sờ cái chụp thì hoa sen tan rã từng cánh rồi tàn rụng. Lúc ấy, giữa hư không bỗng có tiếng nói: "Hoa sen đó là của liên hữu Minh Phúc!". Sau khi tỉnh giấc, sáng ra con đem điềm mộng thuật lại cho đạo hữu Minh Phúc ở tiệm vàng tại bản quận nghe. Đạo hữu tỏ sắc lo sợ bảo: "Chết rồi! Thầy dạy tôi mỗi ngày niệm Phật tôi thiếu phải một ngàn câu. Tôi tinh tấn đã được vài năm, nhưng gần đây vì công việc quá bề bộn, nên suốt ba tháng nay biếng trễ không niệm một câu nào. Bây giờ chị thấy hoa sen héo rụng, và chư vị đã mách bảo như thế, tôi phải sám hối gắng tinh tấn lại mới được!". Thưa thầy! Con đã biết hoa héo rụng là do Minh Phúc giải đãi, nhưng chưa rõ tại sao lại có cái chụp ấy?.

Bút giả đáp:

- Chiếc chụp tượng trưng cho Ngũ Cái nói về phương diện chung, hoặc Ngũ Dục về phương diện riêng. Ngũ Cái là: tham, sân, si, nghi, hối. Ngũ dục là: sắc đẹp, tiền của, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng sanh thường bị những điều trên che đậy, làm cho tham đắm si mê, không biết tỉnh ngộ tu hành. Minh Phúc tất bị một hoặc nhiều phần trong các điều ấy

che mờ, nên mới biếng trễ không niệm Phật, khiến cho hoa sen công đức phải héo tàn. Nhưng từ đây biết giác ngộ gắng tu thì đóa hoa sen khác sẽ tiếp tục mọc lên, thay cho đóa hoa trước. Đừng nên e ngại rằng nó tàn rồi mất hẳn, mà phớt bỏ sự tu trì. Khi xưa cô thị nữ của bà Kinh Dương phu nhân, trước tiên cũng giải đãi nên hoa sen héo tàn, sau giác ngộ tỉnh tấn, hoa lại mọc lên tươi tốt. Kết cuộc cô được vãng sanh Cực Lạc, cô trở về báo mộng cho phu nhân biết.

Hán 59:

Nhứt cú Di Đà

Toàn thân đánh đái

Nhơn mạng vô thường

Quang âm bắt tái!

Việt 59:

Một câu A Di Đà

Dem toàn thân đội trái

Mạng người rất vô thường

Tháng ngày không trở lại.

Lược giải:

Cổ nhơn đã bảo: Trên đường tiến tu đạo giải thoát, có bốn điều khó:

-Điều thứ nhất là: thân người rất khó được. Khi xưa đức Phật đã nói với ngài A Nan: "Chúng sanh được thân trời, người ít như đất nơi móng tay. Đọa bốn ác thú nhiều như đất miền đại địa". Đọa vào các nẻo như: Tu La, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục, bị nhiều nỗi thống khổ và nghiệp ác làm chướng ngại đường tu đã đành, nhưng sanh lên cõi trời cũng bị sự vui khiến cho mê đắm khó tu nữa! Thế nên duy có thân người mới dễ tiến tu đạo giải thoát mà thôi. Người xưa đã từng diễn tả sự khó được của thân người qua mấy câu thi như:

Ngàn năm cây sắt đơm hoa dễ

Một mắt thân người khó lại sanh!

(Thiên niên thiết thọ khai hoa dị

Nhứt thất nhơn thân tái phục nan!)

Hoặc:

Tam đồ một đọa trăm ngàn kiếp

Lại cõi nhơn thiên chẳng hẹn ngày!

(Tam đồ nhứt đọa bá thiên kiếp

Tái xuất đầu lai hữu kỷ thời!)

Thân người đã khó được như thế, nhưng làm thân người mà không tàn tật,

không sanh nơi Biên Địa, được ở nơi trung tâm văn hóa đạo đức cũng là điều khó. Và đây là cái khó thứ hai.

Dù được ở miền trung quốc có văn hóa đạo đức, nhưng không dễ gì được gặp và nghe hiểu Phật pháp. Bởi chánh pháp như hoa Ưu-đàm-bát-la, rất lâu mới nở hiện nơi cõi đời. Đây là điều khó thứ ba.

Lại tuy được gặp và nghe hiểu Phật pháp để tu hành, nhưng còn điều thứ tư rất khó là không dễ gì thoát khỏi tam giới, dứt hẳn nỗi khổ sống chết luân hồi. Bởi nhân loại phần đông nghiệp nặng căn tối, chướng duyên rất nhiều, kiếp sống lại vô thường ngắn ngủi, mới vừa thấy đó, bỗng lại mất đi.

Nay chúng ta hân hạnh được thân người, lại rất may mắn gặp môn Tịnh Độ là pháp cực nhiệm mầu, một đời có thể đối nghiệp vãng sanh thoát vòng sống chết, thì phải đem toàn thân mà gánh vác thọ trì, đừng nên lần lữa hẹn chờ, hoặc thờ ơ biếng trễ. Tại sao thế. Vì bóng quang âm thấp thoáng như thoi đưa, tuổi xuân không trở lại, mạng người thoát còn thoát mất không biết đâu mà lường. Khi xưa có thiên sinh hỏi một vị tôn đức: "Bạch ngài! thế nào là sự tiến tu của hành giả?" Vị tôn đức đáp: *"Thấy nói Kinh Kha xưa đồng mãnh.*

Một đi thà chết chẳng quay về!".

(Kiến thuyết Kinh Kha lữ.

Nhứt hành cánh bất hồi).

Hành giả đem toàn thân trải đội một câu A Di Đà, cũng phải như thế.

Hán 60:

Nhứt cú Di Đà

Như cứu đầu nhiên

Tận thập phần lực

Kỳ thượng phẩm liên.

Việt 60:

Một câu A Di Đà

Như cứu lửa cháy đầu

Giốc mười phần công lực

Cầu thượng phẩm sen màu.

Lược giải:

Hành nhơn khi xưa đã cho biết: "Học đạo như dong thuyền nước ngược, không tiến nổi trôi lui" (*Học đạo như nghịch thủy hành chu, bất tiến tắc thoái*). Bởi trên đường tu, hành giả gặp nhiều chướng duyên trong và ngoài,

nếu không mạnh mẽ cố gắng tự chủ trương, tất không làm sao tiến triển nổi. Mà muốn làm chủ thân tâm cùng ngoại cảnh, thắng dẹp muôn duyên để tiến đạo, phải dùng hết mười phần năng lực mới mong đạt được kết quả. Về môn Tịnh Độ, nếu muốn cầu phẩm sen bậc thượng, dĩ nhiên cũng phải như thế. Trong bức thư gởi cho một Phật tử hỏi đạo, Ấn Quang pháp sư nói:

"Theo kinh nghiệm xưa nay, nhiều hành giả chỉ mong cầu bậc thượng, nhưng phần nhiều chỉ được trung, cầu bậc trung lại rớt xuống bậc hạ. Nếu người không phát tâm thẳng tiến, tu hành lơ là, hy vọng mình dự vào Hạ phẩm cũng tốt, thì làm sao bảo đảm sự vãng sanh?

Trên đây cũng là điểm suy nghĩ chung cho hàng liên hữu vậy.

Hán 61:

Nhứt cú Di Đà

Diệu viên chỉ quán

Tịch tịch tĩnh tĩnh

Vô tạp vô gián.

Việt 61:

Một câu A Di Đà

Môn Chỉ Quán mẫu tròn

Lặng lặng tĩnh tĩnh niệm

Không xen tạp nói luôn.

Lược giải:

Người mới tu lúc niệm Phật lắng nghe vào trong, dứt các tạp vọng, gọi là Chỉ. Khi phát khởi trì câu hồng danh với các tâm trạng khác nhau tạm gọi là Quán. Những tâm trạng khác nhau ấy như thế nào? Có lúc trì câu hồng danh với ý tha thiết, như con nhớ mẹ, như lữ khách lâu năm hoài vọng cố hương. Đây gọi là “chí thiết niệm”. Có lúc trì câu hồng danh với ý sám hối, bởi nghĩ mình từ vô thủy kiếp đến giờ vì mê làm tạo nhiều tội chướng, nay hết sức hổ thẹn ăn năn. Đây gọi là Sám Hối niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý thương cảm, vì nghĩ mình nghiệp chướng sâu dày chìm đắm trong vũng bùn lầy ngũ dục ác nhơ, nay cầu mong sự cứu vớt nơi đáng đại từ bi. Đây gọi là Bi Cảm Niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý lo sợ, bởi nếu rời Phật lực tức sớm muộn cũng sẽ bị đọa vào ba đường ác, chịu vô lượng nỗi khổ sống chết luân hồi. Đây gọi là Bối Tâm Niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý phấn phát, tự trách hèn, như một nho sinh sẵn đủ trí huệ tài ba, thi văn mãi tiếp, bởi cậy tài nên khinh suất mãi thi rớt, cam chịu

cảnh nghèo hèn. Đây gọi là Phát Phần niệm. Có lúc trì câu hồng danh với ý nhằm chán lẽ loi, như bậc cao sĩ sống giữa cảnh xung quanh các đồng nhơn tranh đua sắc tài danh lợi, phi thị hơn thua, gièm pha phỉ báng giết hại lẫn nhau, riêng mình chỉ còn biết nương gân với Phật, bởi cõi trần man mác, ấy ai là bạn tri âm? Đây gọi là Cô Tịch Niệm.

Niệm Phật với các tâm cảnh như trên, tuy tạm gọi là có Chỉ, có Quán, nhưng chưa được xưng là Diệu Viên bởi chưa đến mức tròn trặn nhiệm màu. Hành giả dụng công lâu ngày, tâm niệm vắng lặng dứt hết muôn duyên, nơi câu Phật hiệu gồm đủ phước, huệ, hạnh, nguyện, giải thoát, sáu ba la mật, không và sắc dung thông, mới gọi là Diệu. Trong bất thân tâm, ngoài dứt trần giới, chẳng thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, không còn lẫn mức cách biệt giữa chúng sanh và Phật, giữa cảnh cùng người, tất cả đều dung hợp rộng rãi, bao la, mới gọi là Viên. Nơi tâm cảnh ấy, điểm thanh tịnh lặng lặng không tán loạn là Chỉ, điểm sáng suốt tĩnh tĩnh không hôn trầm là Quán. Niệm như thế không xen tạp, hằng nối tiếp nhau, gọi là Diệu Viên Chỉ Quán.

Hán 62:

Nhứt cú Di Đà

Hiện lộ chỉ bình

Trực để bảo sở

Bất trụ hóa thành.

Việt 62:

Một câu A Di Đà

Lối hiểm đều san bằng

Thẳng về nơi bảo sở

Không trụ cảnh hóa thành.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, nơi phẩm Hoá Thành Dụ, đức Thế Tôn có nói đại khái như sau:

"Một vị đạo sư hướng dẫn đoàn người vượt qua đoạn đường hiểm trở xa độ năm trăm do tuần, đến đến nơi bảo sở là chỗ có nhiều châu báu. Nhưng giữa đường đoàn người ấy mỗi một thối tâm, xin muốn lui bước trở về. Đạo sư nghe nói thương xót, dùng phương tiện biến ra một hóa thành cách đó ba trăm do tuần và bảo: "Các ông hãy cố gắng đến thành ấy tạm nghỉ sẽ hết nhọc mệt!". Đoàn người vui mừng tiến tới hóa thành, cho rằng mình đã đến nơi, đã được chỗ an ổn. Khi đạo sư thấy họ đã nghỉ ngơi xong, liền diệt mất hóa thành và bảo: "Vừa rồi là hóa thành không phải cảnh thật. Ta

vì thấy các ông mỗi một bỏ dở công khó muốn lui trở về, nên thương xót phương tiện hóa hiện ra. Nay đã sắp gần tới bảo sở các ông nên cố gắng gia công tiến bước..."

Theo thí dụ trên, Đạo Sư chỉ cho đức Như lai. Đoàn người chỉ cho hành giả tiến tu theo chánh pháp. Đường năm trăm do tuần, chỉ cho sự hiểm nguy khổ nạn trong Ngũ thú luân hồi là: Thiên, nhơn, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Trông đây không kể A tu la và thần tiên, vì hai đạo này nhiếp vào các nẻo kia. Như A-tu-la thì có thiên A-tu-la, nhơn A-tu-la, quỷ A-tu-la, súc A-tu-la. Tiên thì có thiên tiên, quỷ tiên cho đến súc tiên, chẳng hạn như hồ tiên cho đến long tiên v.v... Nếu phối hợp với các thừa, thì năm trăm do tuần là sự trải vượt qua năm thừa gồm: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát còn kể trong giai đoạn hiểm nguy, vì nếu không nhờ sức Phật gia bị, tất bị u trệ, khó nổi tiến lên Phật quả. Nhưng đây là luận rộng thêm đó thôi, thật ra đường hiểm năm trăm do tuần chỉ cho Ngũ Thú thì thiết cận hơn.

Tiếp tục theo lời dụ, Bảo Sở chỉ cho Phật Quả Vô Thượng Đẳng Giác. Cách ba trăm do tuần, chỉ cho sự vượt khỏi Tam Giới. Hóa thành chỉ cho quả vị giải thoát phiền hoặc ba cõi của hàng Nhị Thừa Thanh Văn, Duyên Giác. Tổng kết đại ý, đức Thế Tôn muốn nói trong giáo pháp của Ngài, chỉ duy một Phật Thừa, không có sự chia riêng hai thừa như Tiểu Thừa và Đại Thừa, hoặc ba thừa như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát Thừa. Những thừa trên đều toàn giả lập, quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ là Hóa Thành huyễn tạm mà thôi.

Đối với pháp Tịnh Độ, có người không hiểu rõ môn này, lầm cho Cực Lạc là Hóa Thành, chẳng phải Bảo Sở. Thật ra Hóa Thành cùng Bảo Sở là cảnh giới tu chứng của tự tâm, không cuộc hạn nơi quốc độ. Xin nói rõ lại, Hóa Thành là cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác; Bảo Sở là cảnh giới Phật. Môn Niệm Phật đưa chúng sanh về Cực Lạc, để mau tiến lên cảnh giới Phật, chứng thành Phật quả. Đó là đường lối thẳng tắt tiến về Bảo Sở; chớ đâu phải trụ nơi Hóa Thành. Đúng ra Ta Bà và Cực Lạc đều là huyễn cảnh, nhưng Ta Bà có vô lượng khổ nạn chướng duyên, Cực Lạc đủ vô lượng duyên lành tiến đạo. Bởi thế chư Phật đều khuyên nên cầu vãng sanh để dễ tiến tu, không còn thuộc giới phàm phu đầy đủ nghiệp lực mà cho Cực Lạc là Hóa Thành, cam ở cảnh Ta Bà vô lượng chướng duyên hiểm nạn, rất khó được giải thoát, đó là Bảo Sở đấy ư? Thật là lầm lạc và đáng buồn cười lắm vậy!

Câu "Lối hiểm đều san bằng" hàm ý nghĩa: Khi công phu niệm Phật thuần thực, về cõi Phàm Thánh Đồng Cư nơi Cực Lạc thì đã thoát khỏi sự luân hồi trong đường hiểm Ngũ Thú thuộc Tam Giới, lại thường được gần gũi

Phật cùng chư Bồ Tát, không còn bị chướng ngại và bị thoái chuyển trên đường Vô Thượng Bồ Đề. Tóm lại một câu niệm Phật có công năng mau nhiệm san bằng tất cả hiểm nạn trên đường tu, đưa hành giả tiến mau về Bảo Sở, nên Triệt Ngộ thiên sư mới tỏ bày khen ngợi!

Hán 63:

Nhứt cú Di Đà

Như thủy thanh châu

Phân vân tạp niệm

Bất đoạn tự vô.

Việt 63:

Một câu A Di Đà

Như ngọc lắng trong nước

Ngàn muôn tạp niệm rồi

Chẳng dứt tự thành không.

Lược giải:

Hạt châu Thủy Thanh có công năng lóng nước đục thành trong. Câu niệm Phật cũng thế, không luận vọng niệm nhiều ít, hành giả cứ chuyên chú giữ chắc sáu chữ hồng danh lâu ngày, tạp niệm tự nhiên tan mất. Điểm đáng lưu ý trong đây là không nên khởi tâm dứt trừ vọng niệm. Vì vọng niệm vốn như huyễn, cố tình muốn dẹp, nó lại càng tăng. Một nhà hiền triết đã nói kinh nghiệm này qua câu: "Càng muốn đè nén, chính là cố tâm làm cho nó thêm phát khởi." (Tương dục án chi, tất cố hưng chi).

Khi xưa có một Tú Tài đến phỏng đạo nơi bậc cao đức, vị Thiền sư này hỏi: "Cư sĩ tên họ chi?" Tú Tài đáp: "Thưa, đệ tử nữ danh Trương Chuyết". Chữ Chuyết có nghĩa là vụng về. Thiền Sư nghe xong bảo: "Với đạo khéo còn chẳng có, huống chi đến vụng!" Tú Tài nghe qua liền ngộ vào Bát Nhị pháp môn, làm kệ trình lên rằng:

Ánh linh lạng chiếu khắp hằng sa

Phàm thánh nguyên lai bản tánh ta

Một niệm chẳng sanh toàn thể hiện

Sáu căn vừa động bị mây lò

Dứt trừ phiền não càng thêm bịnh

Tìm tới Chân Như cũng vẫn tà

Tùy thuận các duyên không trở ngại

Niết bàn sanh tử tự không hoa.

Theo ý hai câu luận bài kệ trên, phiền não vốn là không, là huyễn, cứ mặc nhiên giữ chánh niệm, nó sẽ tự tiêu tan. Nếu khởi ý dứt trừ thì phiền vọng

lại hóa thành có. Chân Như là thể tánh tự nhiên, biết lặng lẽ dung hợp với tự nhiên, tánh Chân Như sẽ hiển lộ. Nếu khởi tâm tìm tòi xu hướng, tức có niệm phân biệt, trái với thể bản nhiên, đó chính là tà vọng. Để bổ túc ý trên, xin ghi thêm lời của Đàm Hư đại sư, một bậc cao tăng cận đại thuộc giáo phái Thiên Thai bên Trung Quốc.

*Đây Phật Tổ quê hương
Xứ xứ hiện phong quang
Nước non miền đất rộng
Ứng tự có biên cương
Động vật tùy sanh trưởng
Thực vật tự phô trương
Nắng mưa tùy đôi tiết
Tháng năm tự đoản trường
Vinh hư muôn tượng hiện
Là tự thể chân thường
Nếu có ý cầu toàn
Trở lại bị tổn thương!*

Hán 64:

***Nhứt cú Di Đà
Đốn nhập thứ môn
Kim xí phích hải
Trực thủ long thôn.***

Việt 64:

*Một câu A Di Đà
Ngộ vào đủ công năng
Kim xí rẽ nước biển
Bắt thẳng lấy rồng ăn.*

Lược giải:

Trong kinh Khởi Thế Nhân Bản có đoạn nói:

"Đại bàng kim xí điều là giống chim ăn thịt loài rồng. Khi muốn thọ thực, chim này tùy theo khả năng của loại thai, noãn, thấp, hóa, dùng cánh quạt nước biển sâu nhiều ngàn do tuần, bắt lấy các loài rồng thuộc thai, noãn, thấp, hóa mà ăn thịt. Kim xí là loại chim cao nhất trong hàng phi cầm, có sức thần thông biến hóa. Rồng là sanh vật tối linh trong biển cả, cũng có nhiều uy lực thần thông".

Trên đây ví hiệu năng môn Niệm Phật như thần thông của kim xí điều. Các công đức mà môn này thu được như thủ đắc loài rồng là sinh vật tối linh.

Kinh Hoa Nghiêm có nói đến môn tam muội gọi là Vô Biên Hải Tạng Môn. Liên Trì đại sư đã so sánh bảo: "Niệm Phật tam muội cũng thế, ngộ vào môn này tức sẽ đắc vô lượng Vô Biên Hải Tạng Môn, sẽ thủ đắc vô lượng tam muội". Vì thế Tổ Triệt Ngộ mới trình thuật lại ý nghĩa ấy qua bài kệ trên.

Hán 65:

Nhứt cú Di Đà

Trần duyên tự đoạn

Sư tử du hành

Dã can kinh tán!

Việt 65:

Một câu A Di Đà

Sạch trần duyên phiền não

Như sư tử dạo chơi

Kinh rã bày chôn cáo!

Lược giải:

Chúng sanh từ vô thủy kiếp đến nay, vì mê Chân Tánh khởi tham sân si, đắm sâu trong vũng bùn lầy duyên phiền não, kết thành sức nghiệp tự ràng buộc lấy mình. Một hiền giả đã than: "Tâm đắm nhiễm của con người như vực sâu không đáy, như biển rộng mênh mông. Đem dâng hết sắc đẹp trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng dục. Hiến khắp hết tiền của trong thiên hạ cũng không vừa đủ lòng tham!". Bởi thế, tuy gặp thắng duyên bước lên đường tu, nhưng nghiệp tham sân si trong muôn kiếp không dễ gì trừ dứt. Nhưng nếu hành giả chí tâm giữ một câu Phật hiệu, dù chẳng khởi niệm dứt trừ nghiệp hoặc, trần duyên phiền não cũng sẽ tự tiêu trừ. Tại sao thế? Bởi phiền não là vọng niệm hư huyền, Phật hiệu là chánh niệm chân thật. Vọng niệm như chôn cáo, chánh niệm như sư tử. Chánh niệm khởi lên, vọng niệm tự diệt, như sư tử ra khỏi hang, các loài chôn cáo đều kinh hãi tan rã bỏ chạy. Vọng niệm như nhà tối muôn năm, chánh niệm như ngọn đèn to sáng, diệt ngay tất cả sự tăm tối. Cho nên nếu nhiếp tâm nơi chánh niệm, tất vọng niệm tự trừ. Ngoài điều ấy ra, sáu chữ hồng danh là kết tinh công đức phước huệ của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng a tăng kỳ kiếp. Cho nên, Phật hiệu có công năng diệt nghiệp rất mau chóng. Trong Trí Độ Luận, Long Thọ Bồ Tát đã khai thị: "Môn Niệm Phật tam muội hay dứt trừ tất cả phiền não nghiệp chướng đời này cùng đời trước. Các tam muội khác, có môn trừ được nghiệp dâm mà không thể trừ nghiệp

sân. Có môn trừ được nghiệp sân, si mà không thể trừ nghiệp tham, dâm. Có môn trừ được tham, sân, si, nhưng chẳng thể trừ những tội nghiệp đời trước. Niệm Phật tam muội có thể trừ sạch nghiệp tham, sân, si, cùng tất cả trần duyên phiền não và tội chướng đời trước.

Lại nữa, Niệm Phật tam muội hay sanh trí huệ phước đức rộng lớn, có thể độ chúng sanh. Chư Bồ Tát nếu muốn độ sanh mà tu các môn tam muội khác, tất kết quả rất chậm kém. Bởi các môn tam muội khác phước đức không bằng Niệm Phật tam muội. Tại sao thế? Vì Phật là đấng Pháp Vương, phước huệ đều viên mãn, nên vô lượng phước đức trí huệ của hành giả, tất phải từ nơi Phật mà tăng trưởng và thành tựu mau chóng.

Lại nữa, do vì niệm Phật luôn, tâm không rời Phật, nên hành giả thường được gặp chư Phật...".

Những lời khuyên dạy trên, chứng tỏ niệm Phật hay trừ sạch trần duyên phiền não.

Hán 66:

Nhứt cú Di Đà

Khiên trực niệm quá

Nhứt đạp đáo để

Hương tượng độ hà.

Việt 66:

Một câu A Di Đà

Thẳng chắc niệm nơi lòng

Một phen đạp tận đáy

Như hương tượng qua sông.

Lược giải:

Trong kinh, đức Phật có thí dụ một đoạn như sau:

"Do chỗ bị động, nên bầy dã thú tìm đoạn sông cạn để lội sang khu rừng khác. Khi vượt sông, các loài thú nhỏ như chồn thỏ chỉ bơi khơi khơi trên mặt nước. Những thứ bậc trung như hươu, nai lúc lội sang, chân đạp được nửa chừng mực nước. Còn loài voi cao lớn là hương tượng thì chân bước đạp tận đáy để vượt qua sông. Chúng sanh tu theo ba thừa của ta hóa đạo cũng lại như thế, tùy theo căn cơ của mình mà vượt biển sanh tử sang đến bờ Niết-bàn. Hành giả tu theo pháp Tiểu thừa như loài thú nhỏ. Tu theo pháp Trung thừa như loài bậc trung. Tu theo pháp Đại thừa như loài thú cao lớn là hương tượng đạp tận đáy sông, nghĩa là đạp thấu suốt chiều sâu của Lý Tánh mà vượt qua biển luân hồi sống chết...".

Dẫn thí dụ trên để so sánh, Tổ Triệt Ngộ cho môn Niệm Phật là pháp Đại

thừa. Nếu hành giả trì câu hồng danh một cách thẳng chắc, dứt tất cả phiền não, không còn phân biệt năng sở trong ngoài, tức sẽ khế hợp với lý tánh, đi sâu vào Thật Tướng Niệm Phật. Kẻ ấy như con hương tượng chân đạp tận đáy, vượt sông một cách vững vàng chắc chắn.

Hán 67:

Nhứt cú Di Đà

Vô tướng tâm Phật

Quốc độ trang nghiêm

Cảnh phi ngoại vật.

Việt 67:

Một câu A Di Đà

Cảnh Vô Tướng tâm Phật

Cõi nước đẹp trang nghiêm

Không phải là ngoại vật.

Lược giải:

Hành giả tu Tịnh Độ do chuyên trì câu hồng danh, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, sẽ chứng vào Niệm Phật tam muội. Đây là cảnh Vô tướng tâm Phật. Vô Tướng không phải trống rỗng, chẳng hàm tướng trạng chi, mà chính vì các tướng sanh diệt như huyễn không có tự thể chắc thật, nên gọi là Vô. Tâm Kinh nói: "Huỳnh sắc tức chân không, chân không tức huỳnh sắc", chính là ý này. Tâm Phật có nghĩa: Tâm tức Phật, Phật tức Tâm, chân tâm là Phật cảnh, Phật cảnh là chân tâm.

Thế thì cảnh chánh báo, y báo trang nghiêm ở cõi Cực Lạc, cùng tất cả quốc độ khắp mười phương đều chính là cảnh giới của chân tâm, của tâm mình, không phải vật chi ngoài khác. Cho nên những kẻ bảo: "Niệm A Di Đà, nguyện sang Cực Lạc là tìm cầu bên ngoài, chẳng hướng về tự tâm", đó là quan niệm sai lầm, chưa hiểu rõ chân tâm, cũng như pháp môn Tịnh Độ.

Hán 68:

Nhứt cú Di Đà

Vô vi đại pháp

Nhứt dụng đơn đề

Kiểm ly bảo hạp.

Việt 68:

Một câu A Di Đà

*Pháp vô vi đại bảo
Hằng ngày một niệm chuyên
Gương linh rời hộp báu.*

Lược giải:

Trong danh từ Vô Vi, chữ Vi có nghĩa: khởi làm hay tác động. Vì các tướng động chuyển trong mười phương thế giới đều sanh diệt như mộng huyễn, như bọt bóng, không có thật thể, nên gọi Vô Vi. Đừng lầm hiểu Vô Vi là rỗng không, chẳng có tướng trạng hay tác động chi cả mà sai lạc. Cho nên trong kinh nói: "Bồ-tát tuy thị hiện vô biên quyền thuộc, mà tâm hằng không quyền thuộc. Tuy thật hành sáu độ cùng tất cả việc lành, mà không thấy mình hay làm và có các pháp để tu. Tuy độ vô lượng chúng sanh, mà không thấy mình là người hóa độ và những chúng sanh được độ". Đó là hạnh Vô Vi. Hạnh Vô Vi như thế mới gọi là đại pháp lớn rộng và quý báu.

Nơi đây Triệt Ngộ đại sư dạy: "Người tu Tịnh Độ khi niệm Phật không thấy mình là kẻ hay niệm, Phật là vị được niệm, câu hồng danh là pháp tu niệm; dứt tất cả phiền não vọng tưởng, trong quên thân tâm, ngoài tan ngoại cảnh. Hằng ngày đề khởi chuyên niệm như thế, sử dụng câu hồng danh như bậc kiếm sĩ rút gương thiêng sắc bén ra khỏi vỏ hộp báu, vật chi xúc phạm đến đều bị chém đứt tan. Hành trì như thế tất sẽ chứng vào pháp giới Vô Vi rộng lớn, nhập Không Huệ đà ra ni vậy".

Hán 69:

*Nhứt cú Di Đà
Vô lậu chân Tăng
Tuyệt sơn dược thọ
Hiểm đạo minh đăng.*

Việt 69:

*Một câu A Di Đà
Thành vô lậu chân Tăng
Cây thuốc nơi non Tuyệt
Đường hiểm ngọn minh đăng.*

Lược giải:

Kinh nói: "Trong dãy Tuyệt sơn có cây thuốc tên là Dược Vương. Người đau bệnh ôm thân cây liền lành mạnh. Nếu uống được chút ít chất nhựa cây thì trọn đời không bệnh". Lại ở Tuyệt sơn có nhiều thứ thuốc quý lạ. Theo kinh Hiền Ngu, khi xưa đức Thế Tôn đã dùng gió thổi đưa chất thuốc tiên

nơi non Tuyết vào mắt của năm trăm người mù, khiến cho họ đều được sáng tỏ. Trong quyển Lục Đạo Luân Hồi Tập có dẫn sự việc một người đi ngang qua núi Tuyết, nhân đói ăn thứ dược thảo lạ, bỗng nói và hiểu được sáu môn thổ ngữ của dân chúng và các xứ quanh vùng. Chẳng riêng gì núi Tuyết, mà ở các danh sơn khác cũng có nhiều thứ thuốc tiên. Một độ, bút giả đọc quyển Nam Nhạc Ký, thấy nói một đạo sĩ vào núi này hái thuốc, chợt thấy một bàn tay trắng đẹp sáng mịn mọc ra từ vách đá. Biết đó là thứ tiên dược, đạo sĩ liền cắt lấy để vào giỏ. Đi một đoạn, ông ta bỗng nghĩ: "Loại thuốc tiên này biến hóa, nếu không ăn liền nó sẽ ảm mất!". Quả nhiên khi xem lại thì bàn tay ấy đã không còn.

Trong đây, Tổ Triệt Ngộ so sánh sáu chữ hồng danh như thuốc tiên ở Tuyết sơn, như ngọn đèn sáng nơi khoảng đường tối tăm nguy hiểm. Thuốc tiên ngoài công năng trị lành các bệnh, còn có thể khiến cho người đời xác phàm phu thăng thành tiên thánh. Ngọn đèn sáng nơi đường hiểm, ngoài công dụng soi tỏ để hành khách khỏi lạc lối, còn có thể khiến cho họ khỏi sa hầm sục hố, tránh những tai nạn chết người. Câu Phật hiệu lại cao siêu hơn, có thể khiến cho hành giả trở thành bậc chân Tăng vô lậu, thoát vòng luân hồi, chứng ngôi Vô Thượng Đăng Giác. Chữ "Lậu" có nghĩa: sa lớt, là biệt danh của nghiệp vào vòng sống chết luân hồi trong ba cõi. Vô Lậu chỉ cho thể tánh sáng suốt, dứt hết phiền não, không hề lụy vào neo luân hồi. Chứng được thể tánh này mới gọi là bậc chân Tăng. Mà muốn chóng thành bậc Vô Lậu Chân Tăng tất phải niệm Phật.

Hán 70:

Nhứt cú Di Đà

Mãn Đàn Na độ

Liệt phá xan nang

Hân phiên bảo tộ.

Việt 70:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Bồ Thí độ

Phá toang túi sên tham

Tuôn cho đóng châu báu.

Lược giải:

Chúng sanh sở dĩ không bồ thí được để tạo duyên phước, là vì còn nghiệp bồn sên tham lam. Khi chuyên niệm Phật, nghiệp ấy sẽ tiêu trừ, hành nhơn được tròn đầy hạnh thí xả, cả bên trong lẫn bên ngoài. Bên ngoài là thí xả mọi thứ tiền bạc của cải, lần lượt cho đến đầu, mắt, tay, chân, như đức

Thích Tôn khi còn tu Bồ Tát hạnh. Bồ thí như thế mới tròn đủ Đàn ba la mật.

Hán 71:

Nhứt cú Di Đà

Mãn Thi La độ

Đô nhiếp lục căn

Viên tịnh Tam Tự.

Việt 71:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Trì Giới độ

Nhiếp hết cả sáu căn

Tròn sạch đủ Tam Tự.

Lược giải:

Cổ đức bảo: "Phật chế tất cả giới để trị tất cả tâm. Nếu không tất cả tâm, cần chi tất cả giới?". Qua lời trên, giới luật chỉ là phương tiện để ngăn trừ nghiệp hạnh xấu ác của chúng sanh. Mà sở dĩ có nghiệp hạnh xấu ác là do còn tâm phiền não nhiễm ô. Nếu nhiếp cả sáu căn chuyên trì Phật hiệu thì nghiệp chướng bên trong sẽ lần lần tiêu tan, hạnh xấu ác bên ngoài lần lần được dứt. Và hành giả cũng sẽ lần lần được trong sạch thân tâm, tròn đầy cả Tam Tự Tịnh Giới. Tam Tự Tịnh Giới là: Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới và Nhiêu Ích Hữu Tình Giới. Nhiếp Luật Nghi Giới có công năng đưa người tu vào khuôn mẫu luật hạnh, trừ những điều lỗi lầm tội ác của ba nghiệp thân, khẩu, ý. Nhiếp Thiện Pháp Giới khuyến tấn hành giả làm tất cả điều lành. Nhiêu Ích Hữu Tình Giới khiến cho người con Phật được tròn đủ hạnh nguyện cứu độ chúng sanh. Đủ ba tự trên, Thi ba la mật mới được viên mãn. Môn Niệm Phật là nhân nhiệm mầu để mau thành tựu Giới độ ấy.

Hán 72:

Nhứt cú Di Đà

Mãn Sằn-đề độ

Nhị ngã tướng không

Vô Sanh Nhẫn ngộ.

Việt 72:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ nhẫn nhục độ

Tướng Nhị Ngã không còn
Pháp Vô Sanh được ngộ.

Lược giải:

Sở dĩ hạnh Nhân Nhục khó được thành tựu, vì chúng sanh còn có tướng Nhị Ngã. Nhị Ngã tướng là Nhơn Ngã tướng và Pháp Ngã tướng, tức mỗi chấp có Ta và Pháp. Nếu chuyên niệm Phật, nghiệp chướng mau tiêu trừ, lần lần hành giả sẽ được tâm không, thấy Ta, Người và Pháp đều như huyễn, chẳng thật có. Khi ấy đâu còn chấp có người cùng pháp là nguyên nhân gây nên sự bức não, và ta là kẻ hay nhân, bởi hành giả đã thoát khỏi ranh giới của Ngã, Pháp; chân tâm dung hợp khắp mọi nơi. Chừng ấy đương nhơn sẽ chứng ngộ vào Vô Sanh Pháp Nhân, tròn đầy Sẵn-đề ba la mật.

Hán 73:

Nhứt cú Di Đà

Mãn Tỳ-lê độ

Bất nhiễm tiêm trần

Trực đạp huyền lộ.

Việt 73:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Tinh Tấn độ

Lòng không nhiễm mảy trần

Bước thẳng lên huyền lộ.

Lược giải:

Khi tu hành mà còn thấy mình có tinh tấn, tức chưa đạt đến mức cứu cánh của tinh tấn, vì còn chấp Ngã và Pháp. Muốn tròn đầy Tỳ-lê-da ba la mật, phải thoát ly quan niệm đó, tuy hằng tinh tấn không gián đoạn mà chẳng thấy mình có tinh tấn. Hai vị đại sĩ đã đạt đến cảnh giới này nên được tôn hiệu là Thường Tinh Tấn và Bất Hưu Túc Bồ tát.

Khi hành giả niệm Phật đến mức tâm trong sạch rỗng rang, không còn nhiễm một mảy trần, tức đã đặt bước lên con đường huyền vi, vào cảnh giới cứu cánh của Tinh Tấn độ vậy.

Hán 74:

Nhứt cú Di Đà

Mãn Thiên Na độ

***Hiện chư oai nghi
Tang thậm khô thọ?***

Viết 74:

*Một câu A Di Đà
Đầy đủ thiền độ lý
Hiện trong các oai nghi
Cây khô có gì quý?*

Lược giải:

Liên Trì đại sư đã bảo: "Niệm Phật và tham thiền chỉ là một, không khác nhau!". Tại sao thế? Bởi Thiền Na có nghĩa: Tĩnh Lự. "Tĩnh" thuộc về Định, về Chỉ, về Tịch, thể hiện công đức vắng lặng. "Lự" thuộc về Huệ, về Quán, về Chiếu, thể hiện công đức sáng soi. Khi hành giả niệm Phật đến mức dứt bật muôn duyên, tâm yên lặng sáng suốt, thể hiện công năng tịch chiếu, trong ấy đã bao gồm Thiền Định rồi. Đó cũng gọi thật hành Thiền-na ba la mật, nghĩa là đương nhơn đã tiến bước vào cảnh giới chân thật của Thiền Định.

Thuở xưa đã có bà lão cất ngôi tịnh thất cho một nhà sư ở để tham thiền, thường cung cấp cho bốn sự cúng dường đầy đủ. Sau hai mươi năm, muốn thử xem trình độ sự tu hành đã đến mức nào, bà lão dặn cô con gái lúc đem cơm nước đến dâng, hãy thỉnh linh ôm lấy vị sư và hỏi: "Hiện thời tâm của thầy ra sao?". Cô gái thật hành y như lời mẹ dặn, được nhà sư đáp: "Tâm của tôi lúc này như cây khô nung gộp đá lạnh trong ba tháng mùa đông, không một chút hơi nóng động nào cả!". (Khô một ý hàn nham. Tam đông vô noãn khí). Bà lão nghe cô gái thuật lại lời ấy liền than: "Uổng công ta khó nhọc trong hai mươi năm, kết cuộc chỉ cúng dường cho một kẻ phàm phu!". Rồi đốt thất, đuổi nhà sư đi.

Trong bài kệ trên ý Tổ Sư muốn nói: "Lúc tu Tịnh Độ đến mức tâm yên lặng sáng suốt thì dù khi hiện các oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi, ăn cơm, mặc áo, niệm Phật, tụng kinh; trong ấy đã đầy đủ Thiền Định độ. Như thế còn hơn hạng Khô Thiền bám chặt lấy cảnh giới Thiên Không như cây chết khô chẳng có chi là siêu xuất cả!".

Hán 75:

***Nhứt cú Di Đà
Mãn Bát-nhã độ
Cảnh tịch tâm không
Vân khai nguyệt lộ.***

Việt 75:

Một câu A Di Đà

Đầy đủ Bát-nhã độ

Cảnh thanh vắng lòng không

Mây tan vắng nguyệt lộ.

Lược giải:

Ấn Quang pháp sư nói: "Với câu niệm Phật, nếu có một phần kính thành thì tiêu một phần tội nghiệp, sanh một phần phước huệ". Được mười phần kính thành, sẽ tiêu mười phần tội nghiệp, sanh mười phần phước huệ. Cho nên khi niệm Phật, hành giả sẽ tùy tâm mà được tiêu trừ nghiệp chướng, phát huy trí huệ của công đức Bát-nhã. Hành trì lâu ngày, người ấy sẽ tiến đến mức tâm cảnh rộng không sáng lạng, và sẽ lần lần đầy đủ Bát-nhã độ. Hiện tượng ấy ví như mây tan hiện ra vầng trăng trong sáng chiếu rọi khắp nơi, cảnh và ánh trăng đều lặng lẽ trong trạng thái dung hàm không còn phân biệt.

Hán 76:

Nhứt cú Di Đà

Tướng tịch tư chuyên

Vị ly Nhẫn Độ

Dĩ tọa bảo liên.

Việt 76:

Một câu A Di Đà

Tâm lặng tưởng nhớ chuyên

Tuy chưa lìa Nhẫn độ

Đã ngồi tòa bảo liên.

Lược giải:

Bài kệ trên, hai câu trước ý nghĩa đã rõ ràng, duy hai câu sau, riêng một số độc giả chưa khỏi có điều nghi vấn. Theo Ấn Quang pháp sư, tác dụng nghiệp thức của chúng sanh không thể nghĩ bàn! Có người tuy còn ở Ta Bà, mà một phần thần thức đã hiện thân ngồi nơi hoa sen cõi Tịnh Độ. Có người đang còn sống mà nghiệp thức đã hiện thân thọ tội nơi địa ngục dưới Âm Ty. Chuyện Cửu Pháp Hoa và Kinh Dương phu nhơn trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, thân chơi Cực Lạc, thấy trước Dương Kiệt, Từ đạo cô, Tôn Trung đã ngồi nơi hoa sen, là điều chứng minh cho hai câu: "Tuy chưa lìa Nhẫn độ. Đã ngồi tòa bảo liên" vậy. Nhẫn độ chính là cõi Ta Bà, vì Ta Bà có nghĩa "Kham Nhẫn". Chúng sanh ở cõi này phải có sức nhẫn

nại mới chịu đựng nổi với những cảnh chương ác xung quanh.

Hán 77:

Nhứt cú Di Đà

Nhứt đóa bảo liên

Duy tâm chỉ diệu

Pháp chỉ như nhiên.

Việt 77:

Một câu A Di Đà

Là một đóa bảo liên

Lý duy tâm mẫu nhiệm

Pháp hợp lẽ thiên nhiên.

Lược giải:

Câu hồng danh mà chúng ta đang hành trì là kết tinh công đức của Phật A Di Đà đã tu từ vô lượng vô biên kiếp về trước. Cho nên khi chúng sanh khởi tâm niệm một câu Phật hiệu, theo nhân quả của lý "các pháp do tâm tạo", trong vô hình tự nhiên có ánh sáng và hoa sen phát hiện mà mắt phàm thường không thể nhìn thấy. Tuy nhiên cũng có vài trường hợp do tâm chí thành nên hoa sen hiện rõ, có thể mục kích được với đôi mắt thường. Bởi thế hành giả mới chứng biết được lý ấy.

Nhắc tới điều này, bút giả bỗng nhớ lại chuyện thầy Thiện Lộc, thân phụ sư cô Diệu Châu, ở ngôi am sau chùa Vạn Đức tại Thủ Đức, đã thuật lại cho các liên hữu biết. Một đêm nọ vào khoảng tám giờ tối, thầy đang qui chí tâm niệm Phật theo thời khóa đầu hôm, bỗng thấy từ cạnh bàn Phật ở ngay trước mặt mọc ra một búp hoa sen đỏ to bằng cái tách. Vừa trì niệm vừa nhìn kỹ từng chi tiết, thầy thấy cuống hoa uốn lượn cong, búp sen ngửa lên, rồi lần lần theo tiếng Phật hiệu nở to ra bằng đĩa bàn. Độ mười lăm phút sau, đóa hoa ấy biến mất. Đây là một trong nhiều chuyện hiện thật mà chư liên hữu ở khắp mọi nơi đã mục kích và trần thuật lại.

Để nói rộng thêm, câu niệm Phật chẳng những có công đức hiện ra tướng hoa sen, mà còn hiện đủ các tướng thuộc chánh báo, y báo ở Cực Lạc.

Trong các truyện vãng sanh, có vị trước giờ phút thọ chung, đại chúng bỗng thấy mặt đất xung quanh bỗng hóa thành ra vàng ròng. Có vị đang nằm bệnh, tràng phan, lầu các hiện trong tầng băng để gần bên giường. Có vị đang niệm Phật, thân tướng trang nghiêm của đức A Di Đà hoặc chư Bồ tát hiện giữa hư không, bay trên ngọn đèn lưu ly. Có vị trong khi trì niệm, chợt nghe mùi hương lạ bay thơm cùng khắp. Công đức trang nghiêm thanh tịnh của câu niệm Phật tùy tâm hiển hiện, đại khái là như thế.

Hán 78:

Nhứt cú Di Đà

Nhứt đoá bảo liên

Phàm tình bất tín

Diệc như kỳ nhiên.

Việt 78:

Một câu A Di Đà

Là một đoá bảo liên

Phàm tình không tin tưởng

Cũng là lẽ tất nhiên.

Lược giải:

Như trên đã nói: Do công đức của câu Phật hiệu, theo lý duy tâm tạo, tự nhiên có hoa sen, ánh sáng hoặc các tướng đẹp lạ khác phát hiện. Nhưng các điều ấy tiếc thay, phần đông phàm phu không tin hiểu và công nhận. Sở dĩ như thế là vì sự thấy biết của họ còn thuộc hạn trong tâm lượng cạn hẹp của phàm tình. Ấu đó cũng là lẽ tất nhiên.

Hán 79:

Nhứt cú Di Đà

Nhứt đoá bảo liên

Quyết định bất tín

Chân cá khả liên

Việt 79:

Một câu A Di Đà

Là một đoá bảo liên

Nếu quyết không tin nhận

Đáng thương thật kém duyên!

Lược giải:

Trong các kinh luận về Tịnh Độ, nhiều nơi Phật và chư Tổ đã nói công đức niệm Phật hay trừ tội chướng, sanh phước huệ, hiện ra hoa sen, ánh sáng. Từ xưa đến nay các hành giả tu Tịnh nghiệp, lúc thức tỉnh hay trong giấc mơ, đã thấy hiển hiện điều này, và cũng đã thuật lại rất nhiều. Đó là lý chiêu cảm của nhân lành quả lành, kẻ chưa tin phải theo lời giải thích và điều minh chứng mà phát lòng tin. Nếu còn quyết định không tin nhận, thì

thật đáng thương kẻ ấy quá nông cạn, nhiều nghiệp chướng, kém phước duyên, cam chịu khổ mãi trong vòng luân hồi sáu nẻo.

Hán 80:

Nhứt cú Di Đà

Nhứt đóa bảo liên

Trực nhiên bất tín

Dĩ nhiễm thức điên.

Việt 80:

Một câu A Di Đà

Là một đóa bảo liên

Dù cho không tin tưởng

Cũng đã nhiễm thức điên.

Lược giải:

Tiếp theo ý trên, dù cho những kẻ chưa hiểu biết, hoặc đã nghe giải thích và chứng minh rõ ràng về công đức niệm Phật mà còn cố chấp không tin nhận thì câu Phật hiệu cũng đã ghi vào ruộng Tàng thức của kẻ ấy rồi! Khi hạt giống câu hồng danh đã nhiễm vào Hàm Tàng thức, ngày kia trong một hoàn cảnh nào đó nó sẽ phát hiện. Và nhân đó đương nhơn sẽ được độ thoát, bất quá phải chịu khổ luân chuyển trong thời kiếp lâu xa mà thôi. Về điểm này, một bậc tôn đức đã bảo:

"Khen, chê cũng nhờ độ thoát.

Tin, nghi đều đến Liên bang"

(Tán, báng câu môn giải thoát.

Nghi, tín cộng nhập Liên bang).

Thuở Phật còn tại thế, có ông lão đứng trăm tuổi mới đến chư Tăng xin xuất gia. Các hàng Trưởng Lão từ ngài Ca Diếp, Xá Lợi Phất, đến chư Đại Đức khác đều không thọ nhận, vì các vị nhận định xét thấy ông không có căn lành. Khi đức Thế Tôn đi khát thực trở về thấy ông lão khóc, Ngài quán biết liền chấp thuận cho xuất gia. Chư tỳ kheo hỏi duyên cớ, Phật đáp: "Đạo nhân bậc A-la-hán của các ông chỉ thấy biết sự việc trong vòng tám muôn bốn ngàn kiếp về trước và về sau mà thôi. Nhưng trước khoảng thời gian đó lâu xa, ông lão này là kẻ tiều phu đi đốn củi, bị cọp rượt, sợ hãi leo lên cây phát thanh niệm một câu "Nam mô Phật". Do chủng tử nhân lành đó, ngày nay ông mới gặp ta hóa độ và sẽ được giải thoát". Ông lão là Phước Tăng tỳ kheo, Phật giao cho ngài Mục Kiền Liên thọ làm đệ tử, không bao lâu chứng được quả A-la-hán.

Tóm lại, ảnh hưởng của câu Phật hiệu rất nhiệm mầu sâu rộng, chẳng

những kẻ nghe danh hiệu Phật sanh lòng vui mừng, tin nhận, khen ngợi và thật hành đều được giải thoát, mà người nghi ngờ kinh báng nhái giọng niệm theo để chê bai, khi thọ ác báo rồi cũng nhờ chủng tử công đức ấy gây nhân duyên đắc độ về sau. Cho nên bài kệ:

"Thà ở cõi Địa Ngục.

Được nghe hồng danh Phật.

Không mong sanh Thiên giới.

Chẳng biết hiệu Như Lai"

như trong kinh nói rất là xác đáng.

Hán 81:

Nhứt cú Di Đà

Hoằng thông cảm dọa

Nhập Đại Bi thất

Tọa Pháp Không tòa.

Việt 81:

Một câu A Di Đà

Sốt sắng gắng hoằng thông

Nguyện vào Đại Bi thất

Ngồi yên tòa Pháp Không.

Lược giải:

Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn đã từng khuyên các học nhơn: "Nếu muốn kham sống trong cõi đời ngũ trược đề độ mình cùng độ sanh, thì phải mặc áo giáp Nhẫn Nhục, vào nhà Đại Bi, và ngồi tòa Pháp Không". Tại sao thế? Bởi nơi cõi Ta Bà những nghiệp tham, sân, si, khinh mạn, nghi ngờ cùng ác kiến của chúng sanh rất mạnh mẽ lấy lừng. Các phiền nghiệp ấy ví như những mũi tên lửa, dễ làm tổn não người, nếu không mặc áo giáp Nhẫn Nhục nhu hoà, tất khó thể chịu đựng nổi. Song như thế cũng chưa đủ, vì nếu nhẫn nhục mà không có lòng đại bi thương xót tha thứ sự mê lầm tội lỗi của chúng sanh, thì chẳng thể hoằng pháp độ người. Cho nên hành giả phải nối gót Như Lai vào nhà đại Từ Bi của Phật. Tuy nhiên, như thế vẫn chưa được trọn vẹn. Bởi dù có tâm Từ Bi, Nhẫn Nhục, nhưng nếu chưa thấu suốt tất cả pháp đều không, mà vào nơi Vô Sở Trụ như kinh Kim Cang đã chỉ dạy, tức nhiên tướng Nhơn Ngã chấp và Pháp Ngã chấp hãy còn. Đã còn tác tướng ấy thì dù có nhẫn nhục cũng chưa dứt hết gốc giận hờn, dù có niệm từ bi cũng chưa tuyệt lòng ái luyến. Cho nên hành giả lại phải cần an trụ nơi tòa Nhứt Thiết Pháp Không. Đạo lý này rất uyên thâm, như diễn rộng ra sáu trăm quyển Đại Bát Nhã cũng nói chưa cùng tận. Song nếu tóm tắt lại, có thể gồm trong một lời kệ của kinh Hoa

Nghiêm: "Vô trước, vô y trí huệ lực", nghĩa là sức trí huệ không nương tựa dính mắc vào đâu.

Đại ý bài kệ trên, ngài Triệt Ngộ muốn nói: "Chư Như Lai từ trong nhân hạnh cho đến khi đắc quả, vì bi nguyện độ sanh nên đã mặc áo giáp nhu hòa nhẫn nhục, vào nhà đại Từ Bi, ngồi tòa Nhứt Thiết Pháp Không mà tu học cùng nói ra pháp môn niệm Phật này". Các hành giả muốn độ mình một cách chắc chắn và rộng độ chúng sanh, cần phải siêng năng noi theo gương ấy.

Hán 82:

Nhứt cú Di Đà

Vô tận bảo tạng

Bát tự đã khai

Phổ đồng cúng dường.

Việt 82:

Một câu A Di Đà

Là kho báu vô tận

Tám chữ mở toang ra

Khắp cho không tiếc lần.

Lược giải:

Tám chữ trên đây, là "Đại từ đại bi A Di Đà Phật". Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có thuật chuyện một hành giả niệm Phật, khi lâm chung thấy tám chữ ấy hiện ra giữa hư không to lớn, sắc như vàng ròng. Tám chữ ấy hàm ý tiêu biểu cho bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn của đức A Di Đà Thế Tôn. Song về sự trì niệm thì yếu ước lại chỉ có sáu chữ "Nam mô A Di Đà Phật". Sao gọi là tám chữ, hay sáu chữ mở kho báu vô tận?

Theo Hiền Giáo, sáu chữ ấy tiêu biểu cho sự nương về kho vô lượng thọ mạng, vô lượng quang minh, vô lượng công đức.

Theo Mật giáo, về quyển Thánh Tài Tập, sáu chữ đó là chủng tử của năm đức Phật. Hai chữ Nam Mô có nghĩa là quy mạng. Mạng là Thọ Thường Trú, tức chỉ cho đức Tỳ Lô Giá Na Như lai. Còn bốn chữ kia, theo thứ tự là chủng tử của năm đức Phật. Hai chữ Nam Mô có nghĩa là quy mạng.

Mạng là Thọ thường trú, tức chỉ cho đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Còn bốn chữ kia, theo thứ tự là chủng tử của bốn đức Phật: A Súc Bệ, Bảo Sanh, A Di Đà, và Bất Không Thành Tựu. Cho nên sáu chữ hồng danh là kho bí mật, gồm thâu tất cả chánh báo, y báo khắp mười phương.

Theo Tâm giáo, sáu chữ này là kho chân tâm, gồm nhiếp tất cả nhân quả,

tánh tướng, phước huệ, sự lý. Vì thế nên gọi: "Một câu A Di Đà là kho báu vô tận".

Về điểm dùng tám chữ hay yếu ước lại sáu chữ, để mở kho báu vô tận, cổ hơn đã có câu:

"Lục tự đã khai vô tận tạng.

Thâu lai phóng khứ chỉ như nhiên".

Hai câu này có ý nghĩa:

Niệm sáu chữ hồng danh có thể mở toang kho báu vô tận như trên đã nói.

Và khi đã thể nhập vào kho chân tâm, thì niệm tức là vô niệm, vô niệm tức là niệm, buông ra thâu vào đều ở trong trạng thái như như.

Chư Phật Thế Tôn, chư Bồ Tát, chư Tổ, vì lòng bi nguyện, đã đem tám chữ hay sáu chữ này mà phổ thí cúng dường khắp tất cả loài hữu tình, để cho chúng sanh mở được cửa và thọ dụng kho báu vô tận ấy.

Hán 83:

Nhứt cú Di Đà

Đoạn chư phiền não

Toàn Phật toàn tâm

Nhứt liễu bách liễu.

Việt 83:

Một câu A Di Đà

Dứt phiền não rộn ràng

Tâm, Phật toàn dung hợp

Rõ một, rõ trăm ngàn.

Lược giải:

Ý nghĩa bài kệ trên rất hàm súc, muốn hiểu thấu đáo, chỉ nên dùng hạnh thể nhập hơn là theo phân lý giải. Tuy nhiên, để tùy thuận sở cầu cho người mới học đạo, xin tạm giải thích như sau:

Lúc hành giả chuyên tâm niệm Phật thì nghiệp tham, sân, si cùng tất cả phiền não đều dừng lặng. Khi công phu lâu năm trì niệm chuyên thành như thế đến mức cùng tận, ngày kia đương nhiên chợt thấy tâm niệm rỗng rang như chiếc thùng lọt đáy, ngộ được tánh bản lai của mình. Chừng ấy toàn câu niệm Phật, toàn thể đức A Di Đà cùng chánh báo, y báo thế giới Cực Lạc của Ngài chính là toàn thể chân tâm diệu cảnh. Và các pháp không ngoài tâm đã ngộ được nhứt chân tâm, tất rõ được tất cả trăm ngàn muôn pháp.

Hán 84:

Nhứt cú Di Đà
Diệt trừ định nghiệp
Hách nhật, khinh sương
Hồng lô phiến tuyết.

Việt 84:

Một câu A Di Đà
Dứt trừ được định nghiệp
Nhật rạng phá sương thừa
Lò hồng tan điểm tuyết.

Lược giải:

Trong kinh có lời dạy: "Chí thành xưng một câu A Di Đà, diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sống chết, xung quanh hành nhưn mỗi bề ánh sáng phát ra rộng đến bốn mươi dặm".

Chí tâm xưng một câu hồng danh, ảnh hưởng còn được như thế huống chi chuyên thành niệm Phật nhiều năm thì định nghiệp nào mà không dứt trừ? Công năng diệt nghiệp của sự Trì Danh ví như vàng nhật chói rạng phá tan mau màn sương thừa, như lò lửa to dễ làm tiêu mảnh tuyết. Tổ sư đã mượn hai thí dụ trên để nêu rõ công đức niệm Phật, và khuyến tấn hành giả gắng sức tu trì.

Hán 85:

Nhứt cú Di Đà
Năng không khổ báo
Thế giới, căn thân
Tức thô nhi diệu.

Việt 85:

Một câu A Di Đà
Hay tiêu quả báo khổ
Chuyển thế giới, căn thân
Tức thô thành tế diệu.

Lược giải:

Các sự khổ đều do sức nghiệp làm chủ động, niệm Phật đã có công năng diệt nghiệp, tất nỗi khổ cũng lần lần tiêu trừ. Nhưng "một câu Di Đà làm cho khổ báo trở thành không", hàm ý nói về phần tánh nhiều hơn phần tướng. Bởi tất cả sự khổ từ lớn đến nhỏ, đều do tâm ta bị căn thân bên trong và thế giới bên ngoài chi phối. Nếu hành nhưn ngộ lý các pháp đều

như huyễn, biết an trụ nơi tự tánh Di Đà mà niệm Phật thì tâm trở nên vắng lặng, thoát khỏi sự chi phối của thân và cảnh. Như thế dù thời tiết nóng lạnh, cảnh ngộ an nguy, sự đói khát cùng mỗi một yếu đau cũng không làm cho đương nhơn cảm thấy khổ? Tại sao? Vì hành nhơn đã an trụ nơi định tâm, thoát ly cả hai sự chi phối trong và ngoài ấy.

Khi xưa, một thiền sư tu ở sơn tự bị chứng thương hàn, do thiếu thuốc thang điều dưỡng nên bệnh càng trở nặng sắp lâm nguy. Một vài đệ tử thấy thế, xin phép đi xuống núi để rước y sư và tìm thuốc đem lên. Thiền sư ngăn lại bảo: "Căn bệnh đã nhập lý, chỉ nên dùng đạo pháp để điều trị, chớ không thể dùng thuốc cứu chữa kịp thời được!". Thế rồi ông xả hết muôn duyên, ngồi trụ tâm vào tịnh cảnh không ăn uống luôn trong bảy ngày.

Đến khi xuất định, bệnh chứng tiêu tan, sức khoẻ lần lần bình phục.

Lại một vị Tăng tu Tịnh Độ, lúc sắp vắng sanh, tức nghiệp phát hiện làm cho cả thân mình đều phù thũng, còn thêm nhiều chứng bệnh khác. Ông nói với hàng đệ tử: "Nếu thầy không nhờ mấy mươi năm công phu niệm Phật, tất không thể chịu nổi sự mỗi một nhức đau". Cho nên một bậc tôn túc đã nói câu:

"Lão tăng có pháp an nhàn.

Dù cho tám khổ cháy lan ngại gì!"

(Lão tăng tự hữu an nhàn pháp.

Bát khổ giao tiên tông bất phòng)

Về ý nghĩa hai câu sau của bài kệ, có thể dẫn giải tóm tắt: thế giới, căn thân đều như huyễn. Nếu tâm chúng sanh còn đầy nghiệp chướng phiền não, dù sống nơi cảnh màu đẹp ở thiên đường cũng cảm thấy buồn khổ. Với bậc hành giả đã đắc định thì riêng có một thiên đường, tuy ở cảnh ác trược, cũng thấy màu nhiệm an vui. Kinh Duy Ma bảo: "Tùy nơi tâm thanh tịnh, tức cõi Phật thanh tịnh". Kinh Viên Giác nói: "Địa ngục, thiên cung đều là Tịnh Độ". Ý nghĩa của hai câu kinh ấy, đều chỉ cho cảnh giới trên.

Hán 86:

Nhứt cú Di Đà

Viên chuyển tam chương

Tức Hoặc, Nghiệp, Khổ

Thành Bí Mật tạng.

Việt 86:

Một câu A Di Đà

Chuyển tròn cả ba chương

Tức nơi Hoặc, Nghiệp, Khổ

Trở thành Bí Mật tạng.

Lược giải:

Ba chương chỉ cho: Hoặc, Nghiệp, Khổ. "Hoặc" thuộc về phiền não chương. "Nghiệp" thuộc về nghiệp chương. "Khổ" thuộc về báo chương. Ba chương này như chùm trái Ác-xoa, có liên quan tương thông lẫn nhau, một tức là ba, ba tức là một.

Đại ý của bài kệ sau này cũng tương tự như bài kệ trước, nếu suy ra sẽ tự hiểu. Như các lượn sóng ở đại dương là biến tướng của nước, cho nên toàn thể sóng là nước. Cũng như thế, vọng giác từ nơi chánh giác mà thiên lưu, cho nên đi sâu vào, toàn thể vô minh vọng giác tức là chánh giác viên minh. Hành giả nếu đi sâu vào Niệm Phật tam muội sẽ ngộ được Hoặc, Nghiệp, Khổ chính là Bí Mật tạng vậy.

Hán 87:

Nhứt cú Di Đà

Giải nạn giải oan

Từ quang cộng ngưỡng

Pháp hỷ quân triêm.

Việt 87:

Một câu A Di Đà

Giải tai nạn trái oan

Quy ngưỡng ánh từ quang

Thấm nhuần niềm pháp hỷ.

Lược giải:

Bài kệ trên đều là những lời nói trắng rõ ràng, không có ẩn ý sâu kín nào khác. Công đức niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chương, tai nạn, tà ma, giải những oan trái đời này cùng đời trước. Công đức ấy cũng khiến cho sanh phước đức trí huệ, độ thoát chính mình cho đến kẻ oan người thân. Các điểm vừa nói đã thể hiện rất nhiều đối với những hành giả niệm Phật từ xưa đến nay. Trong Mấy Điều Sen Thanh đã có nhiều sự tích trần thuật, độc giả duyệt kỹ sẽ tự thấy, khỏi phiền dẫn chứng thêm nhiều.

Hành giả tu môn niệm Phật đều thọ hưởng được sự lợi ích an vui của pháp này, nên gọi là pháp hỷ. Bởi thế, chẳng những riêng nơi cõi Ta Bà, mà ở khắp hằng hà sa quốc độ trong mười phương, vô số chúng sanh cũng tu môn Niệm Phật và đều cùng hướng về ánh sáng từ bi của đức Giáo chủ Tây phương Cực Lạc thế giới.

Hán 88:

Nhứt cú Di Đà
Báo vị báo ân
Liệt triền miên vãng
Nhập giải thoát môn.

Việt 88:

Một câu A Di Đà
Đáp ân nặng chưa tròn
Cắt đứt triền miên vãng
Chứng vào giải thoát môn.

Lược giải:

Người học đạo có bốn trọng ân là: 1. Ân chư Phật, chư Bồ Tát. 2. Ân thầy lành bạn tốt và các thiện tri thức. 3. Ân cha mẹ cùng thân quyến phù trợ. 4. Ân đàn na tín cúng và tất cả chúng sanh. Chúng ta nếu có đền trả bốn ân thì cũng chỉ một phần nào thôi, chớ thật sự chưa làm tròn, đại khái có thể gọi là chưa báo đáp. Muốn mau tròn bốn phận đền trả tứ ân, phải tu môn Niệm Phật để sớm thành đạo quả, tế độ khắp kẻ oán thân cùng tất cả loài hàm thức.

Lại nữa, chúng ta sống trong lưới nghiệp dây dưa, nợ này chưa xong đã vay mỗi khác, nhứt là các nghiệp oan cừ, ân ái. Lưới nghiệp ấy vây quanh kéo dài mãi không dứt, nên gọi là “triền miên vãng”. Chư Bồ Tát đã do tu pháp Niệm Phật, mà cắt được lưới triền miên vãng của nghiệp lực, chứng vào vô lượng giải thoát môn. chẳng hạn như: Không Huệ Tam Muội Giải Thoát Môn, thân Thông Du Hý Tam Muội Giải Thoát Môn, Giải Nhứt Thiết Chúng Sanh Ngũ Ngôn Tam Muội Giải Thoát Môn, Sư Tử Phấn Tấn Tam Muội Giải Thoát Môn v.v... Tổ Triệt Ngộ khuyên chúng ta nên đi theo con đường ấy.

Hán 89:

Nhứt cú Di Đà
Không chư ác thú
Vạn đức hồng danh
Na dung tư nghị

Việt 89:

Một câu A Di Đà
Hay trốn không ác đạo
Ức muôn đức hồng danh
Khó nghĩ bàn kỳ ảo!

Lược giải:

Trong Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục có ghi một sự tích công đức Niệm Phật. Xin mượn nêu ra để giải thích bài kệ trên với tánh cách chứng thật.

Một vị Bà-la-môn ở nước A Du Sa xứ Thiên Trúc có cô vợ rất đẹp. Vì tình si mê ái nhiễm sâu nặng, ông ta gần gũi mãi cũng không thấy chán đủ. Người vợ lại là một tín đồ Phật giáo; muốn nhân cơ hội đó hóa độ chồng, mới đặt điều kiện: "Nếu khi sắp gần gũi, phải gõ chiếc trống đồng, cả hai cùng niệm hồng danh A Di Đà một lúc lâu cô mới chấp thuận". Ông chồng bất đắc dĩ phải tuân theo.

Ba năm sau, vị Bà-la-môn bị bạo bệnh tắt hơi, chỉ nơi ngực mãi còn nóng ấm, nên người nhà chưa dám thiêu hóa. Trải qua năm ngày, ông chợt sống lại, gọi vợ khóc bảo rằng: "Tôi chết do nghiệp nặng bị đọa vào địa ngục Phất Thang. Khi quỷ tốt dùng đinh ba vịch tội nhơn vào vạc dầu sôi, chĩa sắt đưng thành vạc đánh keng một tiếng. Lúc ấy tôi đang kinh hồn lạc phách, chợt nhớ tới việc bà bảo gõ trống đồng niệm Phật, nên bất giác lớn tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Lạ thay, ngay lúc ấy vạc dầu sôi liền biến thành ao sen nước trong mát, các tội nhơn đều hiện tướng tốt ngồi trên đài sen, rồi cùng bay về Tịnh Độ. Diêm Vương nghe báo sanh lòng hoan hỷ, thả cho tôi trở về!".

Truyện ký trên, chứng minh công năng niệm Phật có thể làm tiêu tan trống không cảnh Địa Ngục. Dĩ nhiên, đối với các ác đạo khác như Ngạ-quỉ, Súc-sanh, Tu-la cũng lại như thế. Câu Nam Mô A Di Đà Phật là kết tinh phước huệ của vô lượng công đức lành khi Phật còn tu Bồ Tát đạo nên mới gọi Vạn Đức Hồng Danh. Bởi thế, hồng danh này có công năng rộng lớn kỳ diệu chẳng thể nghĩ bàn! Trong kinh gọi đó là vô tác thần lực, nghĩa là sức thần thông đương nhiên, không phải do Phật tác ý khởi niệm xui khiến nên. Đại khái, bài kệ trên tán dương và nêu rõ công đức của câu hồng danh khiến cho hành giả tăng thêm phần tín, hạnh, nguyện.

Hán 90:

Nhứt cú Di Đà

Cơ đậu nhơn thiên

Sâm si tam bối

Yên ánh cứu liên!

Việt 90:

Một câu A Di Đà

Hợp cơ cả trời, người

*Ba căn tánh cao thấp
Chín phẩm sen rạng ngời!*

Lược giải:

"Tam bồi" trong bài kệ là chỉ cho ba hạng người: thượng căn, trung căn, hạ căn. "Cửu liên" tức chín phẩm sen, cũng phân ra ba cấp thượng trung hạ, mỗi cấp lại có ba bậc thượng trung hạ nữa, nên thành ra chín. Đó là các phẩm: Thượng thượng, Thượng trung, Thượng hạ; Trung thượng, Trung trung, Trung hạ; Hạ thượng, Hạ trung, Hạ hạ.

Ấn Quang đại sư nói: "Phật pháp tùy cơ, có khó dễ thấp cao. Đối với pháp cao khó thì bậc hạ căn không kham tu. Với pháp thấp dễ bậc thượng căn lại chẳng cần tu. Riêng môn Tịnh Độ có đặc điểm rất mực nhiệm mầu, vừa cao siêu vừa thuận dễ thích ứng cả ba căn, hạng nào cũng thấy cần thiết và có thể tu tập được. Nói về phần cao siêu thì nơi hội Hoa Nghiêm, mười phương hải hội Bồ Tát trong năm mươi một vị: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hướng, Thập Địa và Đẳng Giác, đều theo lời khuyên của Phổ Hiền đại sĩ tu tập môn này. Bàn đến chỗ thuận dễ thì những chúng sanh nhiều tội chướng, cho đến tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng có thể niệm Phật sanh về cực lạc. Cho nên kẻ chê pháp Tịnh Độ là thấp kém tức chưa hiểu chi về môn này và cũng phạm lỗi khinh báng các bậc Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đó!"

Điều dẫn giải trên cho ta thấy, pháp môn Tịnh Độ thích hợp với tất cả căn tánh thượng trung hạ của hàng nhơn thiên. Ba căn tánh ấy tuy có cao thấp so le, song nếu tu môn niệm Phật, tất sẽ tùy theo công hạnh, đều được nêu danh nơi chín phẩm sen sáng đẹp rạng ngời ở cõi Tây phương Cực Lạc.

Hán 91:

Nhứt cú Di Đà

Hóa kiêm tiểu Thánh

Hồi hiệp liệt tâm

Hướng vô thượng thừa.

Việt 91:

Một câu A Di Đà

Các quả vị tiểu thánh

Chuyển tâm hẹp gồm đưa

Hướng về vô thượng thừa.

Lược giải:

Tiểu thánh tức là các quả Thanh Văn, Duyên Giác gồm: Tu-đà-hoàn, Tư-

đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật. Hàng tiểu thừa lấy cảnh Sanh Không Niết-bàn làm quả vị cứu cánh, chỉ cầu mong cho mau thoát ly nỗi khổ sông chết luân hồi trong ba cõi. Các vị này không phát thệ nguyện rộng lớn, trên cầu Phật quả vô thượng dưới độ tất cả chúng sanh, như những bậc Bồ Tát, cho nên đức Thế Tôn chê là tâm nhỏ hẹp. Môn Niệm Phật là pháp Đại thừa, nên có thể chuyển tâm nhỏ hẹp của hàng Tiểu thừa, đưa các quả vị Thanh Văn, Duyên Giác hướng về Vô Thượng của Phật đạo.

Hán 92:

Nhứt cú Di Đà

Siêu nhiên vô ngại

Văn Thù, Phổ Hiền

Đại nhơn cảnh giới.

Việt 92:

Một câu A Di Đà

Thật vô ngại siêu nhiên

Như Văn Thù, Phổ Hiền

Là cảnh bậc đại nhơn.

Lược giải:

Môn niệm Phật đi sâu vào bốn pháp giới, cùng tột là Sự Sự Vô Ngại pháp giới. Cổ đức cũng nói: "Niệm Phật có thể khiến cho hành nhơn vào cảnh giới Vô Ngại Giải Thoát".

Trên đây, Triệt Ngộ đại sư muốn nói: "Niệm Phật không phải pháp thấp kém tầm thường mà chính là cảnh giới của các bậc Bồ Tát đại nhơn như Văn Thù, Phổ Hiền vậy".

Hán 93:

Nhứt cú Di Đà

Vì diệu nan tư

Duy Phật dữ Phật

Nãi năng tri chỉ.

Việt 93:

Một câu A Di Đà

Mầu nhiệm khó nghĩ bàn

Chỉ có Phật với Phật

Mới rõ biết tận cùng.

Lược giải:

Trên đã nói Niệm Phật tam muội là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát, nơi đây Tổ Triệt Ngộ lại nhấn rõ thêm: Niệm Phật tam muội tuy chư đại Bồ Tát cũng thâm nhập, nhưng thật ra chưa được cùng tận. Duy có Phật với Phật mới rõ biết được hết, vì đó là Phật tam muội, là cảnh giới của chư Phật. Điều này càng khẳng định rõ ràng hơn tánh cách cao thâm của pháp môn Tịnh Độ.

Hán 94:

Nhứt cú Di Đà

Liệt Tổ phụng hành

Mã Minh tạo luận

Long Thọ vãng sanh.

Việt 94:

Một câu A Di Đà

Chư Tổ đều phụng hành

Tổ Mã minh viết luận

Tổ Long Thọ vãng sanh.

Lược giải:

Môn Niệm Phật vì là pháp môn tối thượng thừa cao siêu, nên chư Tổ đều phụng hành, bằng cách hoặc viết luận khen ngợi khuyên tu, hoặc niệm Phật cầu về Cực Lạc. Chẳng hạn như hai vị Bồ Tát Mã Minh, Thế Thân đã viết Đại Thừa Khởi Tín Luận và Vãng Sanh Luận để xưng tán, chỉ đường Tịnh Độ. Và Long Thọ Bồ Tát chứng Sơ Hoan Hỷ Địa đã niệm Phật vãng sanh về An Dưỡng. Các vị Bồ Tát trên đều là chư tổ bên Thiên tông. Nơi đây Triệt Ngộ đại sư lại nêu ra một chứng liệu để minh xác điểm cao siêu của pháp môn Niệm Phật. Điều này, Đại Sư muốn cảnh tỉnh phá tan sự nhận thức sai lầm của một số người từ trước đến nay nghĩ rằng: "Môn Tịnh Độ là pháp thấp kém, chỉ dành cho hạng ông già bà cả quê dốt tu hành".

Hán 95:

Nhứt cú Di Đà

Nhân duyên thời tiết

Dị hương thường viễn

Liên xã sang kiết.

Việt 95:

*Một câu A Di Đà
Hợp thời tiết nhân duyên
Hương lạ hằng thoang thoang
Liên xã lập nhiều miền.*

Lược giải:

Pháp môn Tịnh Độ sở dĩ càng lúc càng được thanh hành, bởi có nhiều lý do:

Về phần nhân duyên: Điều thứ nhứt đức A Di Đà có pháp duyên rất lớn với chúng sanh ở Ta Bà, bằng chứng là các chùa đều có thời khóa Tịnh Độ, và hàng Phật tử khi gặp nhau thường chào với câu "A Di Đà Phật". Điều thứ hai, đức Di Đà Thế Tôn có bốn mươi tám bi nguyện độ sanh rộng lớn, rất thích ứng với cảnh ngộ cần cứu cấp nơi cõi ngũ trược này.

Về phần thời tiết, như lời Phật đã huyền ký. Bắt đầu từ thời mạt pháp trở về sau, muốn chắc chắn được giải thoát, chỉ có pháp môn Niệm Phật.

Bởi những nguyên nhân ấy, nên chư thiện tri thức xưa nay đã sáng lập ra Liên Xã khắp nơi để hướng dẫn người tu hành. Và các hành giả niệm Phật cũng cảm được nhiều điềm thoại ứng như: thấy sen lành, nghe hương lạ.

Hán 96:

*Nhứt cú Di Đà
Lợi đại long, tượng
Vĩnh Minh thiền bá
Trí Giả giáo tông.*

Việt 96:

*Một câu A Di Đà
Lợi bậc đại tượng, long
Như Vĩnh Minh thiền bá
Cùng Trí Giả giáo tông.*

Lược giải:

Long, tượng là rồng và voi. Hai loại này là hạng cao quý trong loài thú. Đại long, tượng tức rồng cùng voi lớn, lại còn cao quý hơn. Người xưa đã đem biểu tượng rồng, voi mà thí dụ cho những bậc cao siêu kiệt xuất trong hàng Tăng Ni. Vì thế mới có danh từ “Pháp môn long tượng”, nghĩa là hạng rồng voi trong cửa chánh pháp.

Môn Niệm Phật chẳng những nhiếp hóa lớp trung, hạ căn, mà còn làm lợi ích luôn cho cả bậc thượng thượng căn nữa. Như Vĩnh Minh đại sư, một

bậc thiền bá trong Tông môn, ngộ suốt huyền cơ, viết một trăm quyển Tông Cảnh Lục để xương minh Thiền đạo, nhưng cũng niệm mười muôn câu Phật hiệu mỗi ngày. Và Trí Giả đại sư, bậc Giáo tông sáng lập ra Thiên Thai giáo, bình thời vẫn niệm Phật, khi lâm chung khen ngợi kinh Pháp Hoa cùng Vô Lượng thọ, bảo với đại chúng rằng Tây phương Tam Thánh với các đồng bạn của ngài đã sanh về Tây phương, nay hiện thân đến tiếp dẫn.

Sự kiện này, người học đạo nên để tâm suy nghĩ.

Hán 97:

Nhứt cú Di Đà

Cảm ứng phi khinh

Thiếu Khang hóa Phật

Thiện Đạo quang minh.

Việt 97:

Một câu A Di Đà

Cảm ứng chớ xem khinh

Thiếu Khang hiện hóa Phật

Thiện Đạo phóng quang minh.

Lược giải:

Thiếu Khang đại sư niệm một câu hồng danh, trong miệng bay ra một vị hóa Phật. Thiện Đạo Hòa thượng niệm mỗi câu Phật hiệu, nơi miệng phóng ra một đạo quang minh. Hai điều trên chứng minh cho công đức niệm câu hồng danh A Di Đà thật lớn lao, và sự cảm ứng của Phật hiệu như thế đã đến mức cùng diệu. Và điều trên đây cũng nhắc cho người học đạo nên thức ngộ, đừng xem môn Niệm Phật là dung thường.

Trong mấy bài kệ liên tiếp, Triệt Ngộ đại sư đã dẫn chứng trên từ chư Phật Thế Tôn, nói rộng ra là các đức Như Lai ở sáu phương như kinh A Di Đà đã thuyết minh, đều khen ngợi khuyên tu Tịnh Độ, và chỉ riêng các ngài mới biết cùng tận pháp này. Kể đến chư đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, các bậc đại Tổ Sư như Mã Minh, Long Thọ; những vị đại long tượng về bên Tông như ngài Vĩnh Minh, về bên Giáo như ngài Trí Giả và sau cùng chính chư Tổ bên Tịnh Độ như Thiện Đạo, Thiếu Khang. Những vị trên tuy cũng suốt thông các pháp môn khác, song vẫn quy hướng về Tịnh Độ. Tại sao Tổ Triệt Ngộ lại nhiều phen dẫn chứng như thế? Trong đây có hai nguyên nhân rất quan trọng.

a) Điều thứ nhất: Các vị học thức xưa nay (bút giả dùng danh từ “học thức” chớ không nói trí thức, vì học thức là một việc, trí thức lại là việc

khác) khi mới tìm đạo, đều ưa thích những lý luận cao siêu huyền diệu. Sự ưa thích đó không phải là điều lỗi. Nhưng phần nhiều họ lầm lạc chấp theo Thiên Không, chưa dung hội được giữa Không và Có, bài bác nhân quả sự tướng, nên hầu như thành một căn bệnh trong khi học đạo. Đối với môn Tịnh Độ, họ chưa thấu đáo được sự cao diệu của pháp này nên khi thấy những kẻ tối đốt, hạng bình dân cũng tu hành được, lại xem thường cho là pháp thấp kém. Chư đại thiện tri thức thấy sự lầm lạc tà kiến đó mới thẳng thắn bác phá, chỉ bày. Vì thế Tổ Triệt Ngộ đã dẫn những chứng minh trên để cảnh giác, ngụ ý bảo: "Nếu Tịnh Độ là thấp kém, tại sao từ chư Phật, Bồ Tát, cho đến chư Tổ, các bậc đại long tượng bên Tông lẫn bên Giáo đều ngợi khen khuyến khích, hoặc thân thiết phụng hành?"

b) Điều thứ hai: Các vị thông minh kiến thức trên, khi luận đạo thường nói những lý luận siêu huyền, để tỏ ra mình là những người hiểu rộng tu cao. Nhưng họ lại không tự xét rằng: Về phần thật hành, mình có làm được một phần nào đối với những lời nói đó chăng? Nhứt là buổi đi sâu vào thời mạt pháp này, người tu căn cơ non kém, nghiệp chướng nặng nề, dùng những hình thức dễ làm như niệm Phật tụng kinh, mà kẻ hành đạo tại gia lẫn xuất gia còn vọng niệm rồi ren, nay chầy mai trễ, hướng chỉ là sự nhiếp tâm nơi định trong tất cả thời, tất cả hành động nói năng? Bút giả từng nghe một vài vị tu học về Thiền khi luận đến sự hành trì, thường dẫn lời của những chư Tổ hoặc các bậc tôn túc thời xưa mà trạng huống cho lỗi tu của mình và còn ra vẻ đắc ý. Chẳng hạn như câu:

"Viên bảo tử quy thanh chướng lý.

Điều hàm hoa lạc bích nham thiên!"

(Vượn ôm con chuyền về rặng núi xanh.

Chim ngâm hoa sa trước gộp đá biếc).

Hoặc như:

"Nhập lâm bất động thảo.

Nhập thủy bất đập ba".

(Vào rừng mà không làm động đến ngọn cỏ.

Xuống nước nhưng chẳng đập sóng nước).

Các vị đó không xét lại hai câu trước là tâm cảnh của ngài Giáp Sơn, chớ chẳng phải cảnh giới của mình. Thỉnh thoảng có việc chi xúc động thì các vị liền tỏ vẻ phiền hà, tức giận. Thế là cỏ cây đã động, chân đã đập sóng nước rồi đây! Trước tệ trạng lạc lầm lạc rộng đó, chư thiện tri thức vì xót thương, vì muốn cứu vãn đạo pháp nên mới thẳng lời phê trích, cho hành động ấy là Cuồng Thiền. Và các ngài còn nói đến hạng Cuồng Mật nữa mà nếu có dịp, sau này bút giả sẽ dẫn giải.

Để kết luận, cần nhấn rõ thêm là những điều nói trên tuyệt không có ý bài bác Thiền, Mật. Thiền và Mật là hai pháp môn cao siêu, và thật ra Thiền,

Mật, Tịnh cả ba đều có đặc điểm riêng, cần tu học để hỗ trợ cho nhau. Chẳng hạn như khi trì chú theo của chân ngôn, Phật hiệu huân sâu vào tạng thức, kích động cho phiền não nổi dậy, phương pháp làm lắng động hữu hiệu nhứt không chỉ hơn Thiền. Trong lúc tham thiền hoặc niệm Phật, ma chướng trong ngoài khuấy rối, cách hàng phục kiến hiệu mau lẹ nhứt, không chỉ hơn Mật. Và muốn giải quyết việc lớn là sống chết luân hồi một cách thẳng tắt chắc chắn nhứt, lại không chỉ hơn Tịnh. Luận cho cùng mỗi môn tự hàm đủ công năng của ba, song đó là ứng dụng của bậc trình độ cao siêu. Còn với bậc sơ cơ non kém, thật ra vẫn có sự sai biệt. Ví như bậc Tổ Sư về võ, dù sử dụng côn, chùy, kiếm, sự lợi hại vẫn đồng như nhau. Nhưng với hạng võ nghệ thông thường thì tác dụng của ba môn binh khí kia lại có sai biệt. Nếu chẳng thế, trong võ lâm cần chi bày ra ba môn ấy cho thêm phiền!

Cho nên trong thời mật pháp, theo thiền ý nên lấy Tịnh Độ làm chánh yếu, Thiền, Mật làm phụ trợ. Hoặc nếu có tu Thiền hay Mật cũng nên niệm Phật nhiều ít hồi hướng về cõi Cực Lạc ở Tây phương.

Hán 98:

Nhứt cú Di Đà

Hữu giáo vô loại

Hùng Tuấn nhập minh

Duy Cung diệt tội.

Việt 98:

Một câu A Di Đà

Hóa độ kẻ vô loại

Hùng Tuấn vào minh ty

Duy Cung trừ chướng tội.

Lược giải:

Môn niệm Phật chẳng những làm lợi ích cho các bậc Thượng Thượng căn như trên, lại còn hóa độ đến cả hàng vô loại như Hùng Tuấn, Duy Cung mà trong Máy Diệu Sen Thanh đã trích dẫn.

Bài kệ trên đại ý chỉ rõ: Pháp Tịnh Độ gồm thân lợi độn, giúp ích khắp ba căn.

Hán 99:

Nhứt cú Di Đà

Thị vô thượng thiền

Nhứt sanh sự biện

Khoáng kiếp công viên.

Việt 99:

*Một câu A Di Đà
Là môn thiên vô thượng
Việc lớn một đời xong
Công tu nhiều kiếp trọn.*

Lược giải:

Triệt Ngộ đại sư tuy được đời sau tôn làm vị tổ hoàng dương Tịnh Độ, nhưng thuở đương thời ngài chính thật là một thiên bá. Bởi duyên Đại Sư đã tham thiên chứng ngộ và viết ra quyển Triệt Ngộ Ngũ Lục để xướng minh Thiên đạo. Một bậc đại triệt đại ngộ về Thiên, mà nói Niệm Phật là môn thiên vô thượng, đó là điều chứng minh xác đáng rồi, không cần phải bàn luận chi thêm nữa.

Việc lớn một đời của người tu Phật, là phải làm thế nào để giải quyết sự sống chết luân hồi ngay trong kiếp hiện tại. Bởi nếu còn luân hồi, tất đời sau dễ bị mê lạc rồi sẽ sa đọa nữa. Khi đã thoát khỏi sự sống chết luân hồi, lại còn phải hiện thân tu Bồ Tát hạnh trong vô số kiếp, công đức viên mãn, mới thành đạo Vô Thượng Chánh Giác. Pháp môn Niệm Phật có thể giải thoát luân hồi ngay trong hiện đời và khi được sanh về Tây Phương thì sự tiến tu để thành Phật không còn bị thôi chuyễn, kể như đã nắm chắc trong tầm tay rồi.

Hán 100:

*Nhứt cú Di Đà
Lý phi dị hội
Bách kệ nga thành
Tam tôn gia bị.*

Việt 100:

*Một câu A Di Đà
Lý mầu chưa dễ hiểu
Thoáng chốc trăm kệ xong
Tam tôn thâm gia bị.*

Lược giải:

Từ lúc sơ khởi đến đây, Triệt Ngộ đại sư đã viết ra một trăm bài kệ để tuyên dương Tịnh Độ. Song Đại Sư vẫn tự thấy còn chưa nói ra hết điểm huyền diệu của pháp môn này vì như chư cổ đức đã nói: "Lý Tịnh Độ là bí

mật tạng. Sự Tịnh Độ là đại nhân duyên" thì người học Phật dễ gì thấu đáo?

Tuy nhiên, Đại Sư cũng nguyện cầu Tam Bảo gia bị cho lời mình trên hợp ý Phật, dưới lợi quần sanh, khiến người đọc được thấu hiểu phần nào để tiến tu trên đường giải thoát. Và ngài cũng cảm ân Tam Bảo thâm gia bị khiến cho tâm địa linh thông nên trong thoáng chốc đã viết xong một trăm bài kệ này.[]